

## **Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

### **Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

#### **Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật**

##### **1.1. Giới thiệu chung về dự án và gói thầu**

- Chủ đầu tư: Bệnh viện Đa khoa thị xã Kỳ Anh
- Dự toán mua sắm: Mua sắm vật tư y tế, hóa chất, sinh phẩm, khí y tế, y dụng cụ sử dụng trong 24 tháng, giai đoạn 2026-2028 phục vụ công tác khám chữa bệnh tại Bệnh viện đa khoa thị xã Kỳ Anh
- Tên gói thầu: Gói thầu 01: Mua sắm vật tư y tế, khí y tế, y dụng cụ sử dụng trong 24 tháng, giai đoạn 2026-2028 phục vụ công tác khám chữa bệnh tại Bệnh viện đa khoa thị xã Kỳ Anh
- Nguồn vốn: Nguồn thu sự nghiệp từ hoạt động khám chữa bệnh hiện có của Bệnh viện đa khoa thị xã Kỳ Anh. được bố trí tại Kế hoạch số 120/KH-BVĐKKA ngày 25/02/2026
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi, trong nước, qua mạng
- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ.
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Tháng 03/2026
- Loại hợp đồng: Đơn giá cố định
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 24 tháng kể từ khi hợp đồng có hiệu lực
- Có nhiều phần/lô: Có
- Tùy chọn mua thêm: Có (Không quá 30% số lượng từng mặt hàng tương đương 3.030.756.133 đồng)

##### **1.2. Yêu cầu về kỹ thuật**

###### **1.2.1. Tài liệu chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa**

- a. Bảng Danh mục hàng hóa dự thầu trong E-HSDT theo Mẫu NT – 01 tại **mục 4 Chương V. Yêu cầu nhà thầu kê khai đầy đủ thông tin tại các cột và ghi mục lục của tài liệu tham chiếu (chỉ dẫn đến số trang hoặc đến folder chứa tài liệu).** Nhà thầu phải nộp đồng thời file Excel danh mục hàng hóa dự thầu và bản scan có ký đóng dấu hợp lệ.
- b. Có catalog hoặc tài liệu kỹ thuật của nhà sản xuất ghi rõ:
  - Ký mã hiệu, nhãn mác sản phẩm (theo quy định của nhà sản xuất);
  - Tên nhà sản xuất;
  - Thông số kỹ thuật hàng hóa;
  - Quy cách hàng hóa (nếu có);
- c. Đối với hàng hóa là trang thiết bị y tế, cung cấp các tài liệu sau:
  - Bản phân loại trang thiết bị y tế theo quy định tại Nghị định số 98/2021/NĐ-CP, Nghị định số 07/2023/NĐ-CP và các quy định hiện hành.

- Số lưu hành còn hạn theo quy định tại Nghị định số 98/2021/NĐ-CP, Nghị định số 07/2023/NĐ-CP và các quy định pháp luật hiện hành, cụ thể như sau:
  - + Đối với trang thiết bị y tế loại A, B: Phải cung cấp số công bố (hoặc Phiếu thông tin) Hồ sơ công bố tiêu chuẩn áp dụng của trang thiết bị y tế trên Cổng thông tin điện tử Bộ Y tế (*dmec.moh.gov.vn*).
  - + Đối với trang thiết bị y tế loại C, D: Phải cung cấp giấy chứng nhận đăng ký lưu hành hoặc giấy phép nhập khẩu còn hạn của Bộ Y tế theo quy định (Đối với trang thiết bị y tế không thuộc danh mục phải cấp phép nhập khẩu theo quy định tại Thông tư 30/2015/TT-BYT thì Nhà thầu phải cung cấp Tờ khai hàng hóa nhập khẩu).
    - Số công bố (hoặc Phiếu thông tin) Hồ sơ công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế theo quy định tại Nghị định số 98/2021/NĐ-CP, Nghị định số 07/2023/NĐ-CP và các quy định pháp luật hiện hành.
    - Số công bố (hoặc Phiếu thông tin) hồ sơ công bố đủ điều kiện sản xuất đối với trang thiết bị y tế sản xuất trong nước, theo quy định tại Nghị định số 98/2021/NĐ-CP, Nghị định số 07/2023/NĐ-CP và các quy định pháp luật hiện hành.
    - Có một trong các chứng chỉ ISO 9001, ISO 13485, FDA, chứng nhận lưu hành của Bộ y tế hoặc tương đương
    - Có giấy phép nhập khẩu của Bộ y tế đối với các loại hàng hóa thuộc điều kiện bắt buộc
- d. Đối với hàng hóa không phải là trang thiết bị y tế:
  - Tài liệu chứng minh đặc tính kỹ thuật của hàng hóa
  - Tờ khai hàng hóa nhập khẩu.
- e. Các yêu cầu khác:
  - Trong trường hợp cần thiết, nhà thầu phải cung cấp đường link để Chủ đầu tư tra cứu, đối chiếu catalog, tài liệu kỹ thuật của hàng hóa;
  - Các tài liệu tại các mục b), c), d) nói trên:
- + Nếu là bản sao phải có chứng thực của cơ quan chức năng, nếu tài liệu được cấp trực tuyến thì phải có dấu xác nhận của nhà thầu và nhà thầu chịu trách nhiệm về tính chính xác của nội dung
- + Nếu sử dụng bằng tiếng nước ngoài phải có bản dịch sang tiếng Việt Nam và nhà thầu chịu trách nhiệm pháp lý về tính chính xác của nội dung dịch thuật khi phát hành. Trong trường hợp có sự sai khác giữa bản dịch và bản gốc thì Chủ đầu tư sẽ đánh giá dựa vào bản gốc.

### **1.2.2. Thông số kỹ thuật**

*Yêu cầu về đặc tính, thông số kỹ thuật quy định trong mục này là tối thiểu, chỉ nhằm mục đích mô tả và không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu. Bất kỳ tiêu chuẩn về chế tạo, công nghệ, quy trình sản xuất các vật tư và thiết bị cũng như tham chiếu đến nhãn hiệu hàng hóa, ký mã hiệu (nếu có) trong yêu cầu về tiêu chuẩn kỹ thuật chi tiết thuộc nội dung yêu cầu (tiêu chí đánh giá chi tiết) chỉ nhằm mục đích mô tả các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật. Nhà thầu có thể đưa ra các tiêu chuẩn chất lượng, ký mã hiệu, nhãn hiệu hàng hóa khác có đặc tính, thông số kỹ thuật tương đương hoặc cao hơn*

*miễn là nhà thầu có thuyết minh giải trình và chứng minh mặt hàng dự thầu có tính năng, đặc tính, thông số kỹ thuật tương đương hoặc cao hơn so với yêu cầu quy định tại mục này;*

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật hoặc tương đương
1	<b>PP2600095108 - Bơm kim tiêm, dây truyền dịch</b>	
1.1	Bơm Tiêm Nhựa Cho Ăn 50ml	<p>Xy lanh dung tích 50ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba via.</p> <p>Độc xy lanh to có nắp đậy.</p> <p>Bơm có vạch chia thể tích tối đa 60ml, vạch chia nhỏ nhất <math>\leq 1</math>ml để tiện sử dụng cho trẻ em</p> <p>Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O), Đóng gói riêng biệt 1 cái/túi.</p> <p>Đạt tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485 hoặc tương đương</p> <p>Đạt tiêu chuẩn môi trường ISO 14001: 2015 hoặc tương đương</p> <p>- Xuất xứ: Các nước Asean</p>
1.2	Bơm Tiêm Nhựa 10ml	<p>Xy lanh dung tích 10ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba via. Vạch chia dung tích rõ nét.</p> <p>Có thang chia dung tích hút tối đa đến 12ml, vạch chia nhỏ nhất <math>\leq 0,2</math>ml để thuận tiện cho việc hút thuốc</p> <p>Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy, không có ba via.</p> <p>Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23G, 25G. Độc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng.</p> <p>Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng</p> <p>Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn CE, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485 hoặc tương đương</p> <p>Có phiếu kiểm nghiệm hàm lượng chất gây sốt đạt tiêu chuẩn ISO 10993-7:2008 (của đơn vị thứ 3) hoặc tương đương</p> <p>Đạt tiêu chuẩn môi trường ISO 14001: 2015 hoặc tương đương</p> <p>- Xuất xứ: Các nước Asean</p>
1.3	Bơm Tiêm Nhựa 10ml	<p>Bơm tiêm 10ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt.</p> <p>Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy, không có ba via.</p> <p>Thang chia dung tích hút tối đa đến 12ml, vạch chia nhỏ nhất <math>\leq 0,2</math>ml</p> <p>Kim làm từ thép không gỉ, vát 3 cạnh. Đủ các cỡ kim. Độc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế</p> <p>Bao bì ghi rõ thông tin xuất xứ, hạn dùng. Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí EO</p> <p>Đạt tiêu chuẩn TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485 hoặc tương đương</p> <p>- Xuất xứ: Các nước Asean</p>

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật hoặc tương đương
1.4	Bơm Tiêm Nhựa 1ml	<p>Xy lanh dung tích 1ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa.</p> <p>Vạch chia dung tích rõ nét.</p> <p>Gioăng có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc, đạt khoảng chết <math>\leq 0.03\text{ml}</math>, khí và dung dịch tiêm không lọt qua được gioăng.</p> <p>Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim 26G. Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng.</p> <p>Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng</p> <p>Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn CE, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485 hoặc tương đương</p> <p>-Có Phiếu kiểm nghiệm hàm lượng chất gây sốt đạt tiêu chuẩn ISO 10993-7:2008 (của đơn vị thứ 3) hoặc tương đương</p> <p>Đạt tiêu chuẩn môi trường ISO 14001: 2015 hoặc tương đương</p> <p>- Xuất xứ: Các nước Asean</p>
1.5	Bơm Tiêm Nhựa 20ml	<p>Xy lanh dung tích 20ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét.</p> <p>Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy, không có ba vĩa.</p> <p>Bề mặt gioăng phẳng giúp bơm hết hành trình của thuốc.</p> <p>Đầu côn lệch tâm giúp cho việc đuổi khí dễ dàng, thuận tiện</p> <p>Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim cỡ 23G. Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng.</p> <p>Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng</p> <p>Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn CE, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485 hoặc tương đương.</p> <p>Có phiếu kiểm nghiệm hàm lượng chất gây sốt đạt tiêu chuẩn ISO 10993-7:2008 (của đơn vị thứ 3) hoặc tương đương</p> <p>Đạt tiêu chuẩn môi trường ISO 14001: 2015 hoặc tương đương</p> <p>- Xuất xứ: Các nước Asean</p>
1.6	Bơm Tiêm Nhựa 50 ml	<p>Bơm tiêm thể tích 50ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt.</p> <p>Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy, không có ba vĩa.</p> <p>Vạch chia thể tích tối đa 60ml, vạch chia nhỏ nhất <math>\leq 1\text{ml}</math> để tiện sử dụng cho trẻ em</p> <p>Đốc xy lanh nhỏ, gắn chắc chắn với tất cả các cỡ kim, an toàn khi sử dụng.</p> <p>Bao bì ghi rõ thông tin xuất xứ, hạn dùng.</p>

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật hoặc tương đương
		<p>Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O).  Đạt tiêu chuẩn TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485 hoặc tương đương  - Xuất xứ: Các nước Asean</p>
1.7	Bơm Tiêm Nhựa 5ml	<p>Xy lanh dung tích 5ml, được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét.  Có thang chia dung tích hút tối đa đến 6ml để thuận tiện cho việc hút thuốc  Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy, không có ba vĩa.  Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23G, 25G. Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng.  Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng  Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn CE, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485 hoặc tương đương.  Có phiếu kiểm nghiệm hàm lượng chất gây sốt đạt tiêu chuẩn ISO 10993-7:2008 (của đơn vị thứ 3) hoặc tương đương  Đạt tiêu chuẩn môi trường ISO 14001: 2015 hoặc tương đương  - Xuất xứ: Các nước Asean</p>
1.8	Bơm Tiêm Nhựa 20ml Dùng Cho Máy Bơm Tiêm Điện	<p>Bơm tiêm 20ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt.  Pít tông có khóa bẻ gãy để hủy, không có ba vĩa.  Bề mặt gioăng phẳng phù hợp dùng cho máy tiêm điện giúp bơm hết hành trình của thuốc.  Đầu côn lệch tâm giúp đuôi khí dễ dàng  Kim làm từ thép không gỉ, vát 3 cạnh. Kim cỡ 23Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế Bao bì ghi rõ thông tin xuất xứ, hạn dùng.  Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí EO  Đạt tiêu chuẩn TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485 hoặc tương đương  - Xuất xứ: Các nước Asean</p>
1.9	Bơm Tiêm Điện 50ml	<p>Có đầu khóa vặn xoắn Luer Lock  - Vật liệu polypropylene  - Độ trong suốt cao; Độ tương phản cao  - Pit tông dễ dàng rút thể tích tối đa (60ml)  - Không có kim tiêm kèm theo</p>

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật hoặc tương đương
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016 hoặc tương đương</li> <li>- Chứng nhận FSC hoặc tương đương; Xuất xứ: Các nước Asean</li> </ul>
1.10	Bộ Dây Truyền Dịch Có Kim Bướm	<p>Có màng lọc khí vô khuẩn ở van thoát khí; Buồng nhỏ giọt thiết kế kèm màng lọc dịch <math>\leq 15\mu\text{m}</math>, thể tích <math>\geq 14\text{ml}</math>. Có bầu cao su tiếp thuốc. Dây dẫn nguyên liệu từ chất liệu nhựa PVC, đảm bảo không gãy gập; Bộ phận điều chỉnh dòng chảy làm từ nhựa nguyên sinh ABS đạt tiêu chuẩn, gồm máng có thiết kế thêm kẹp khe giữ dây và con lăn di chuyển dễ dàng, kim chai nguyên liệu từ nhựa ABS nguyên sinh; Độ dài dây dẫn <math>\geq 1700\text{mm}</math>. Dây truyền dịch kèm kim 2 cánh bướm 23Gx3/4" giúp cố định dễ dàng chắc chắn.</p> <p>Đầu nối Luer lock có cơ chế xoay giúp gắn chặt kim. Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O) Đạt tiêu chuẩn TCVN 6591-4: 2008 hoặc tương đương</p> <p>Đạt tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014 hoặc tương đương</p> <p>- Xuất xứ: Các nước Asean</p>
1.11	Bộ Dây Truyền Dịch	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dây truyền dịch dài dây dài 200 cm (+/- 3cm), Có van khí trên bầu đếm giọt: màng giấy lọc y tế kỵ nước, Có cổng bơm thuốc chữ Y, Kích thước lọc 15-20 <math>\mu\text{m}</math>, kích thước giọt 20 giọt/ml, dung tích bầu đếm giọt 10 mL (+/- 3%), Có sẵn đầu nối Luer lock, Khả năng truyền dịch <math>\geq 1000\text{ mL}</math> trong vòng 10 phút (NaCl 0,9%, áp suất tĩnh 1m), Không rò rỉ khí với áp suất 50 kPa không khí trong bộ truyền trong vòng 15 giây, Mỗi mỗi nối của một bộ truyền không bị bung ra ở lực 15N, Có sẵn kim tiêm 21Gx1,5 inch chất liệu thép không gỉ 1Cr18Ni9Ti, Đóng gói tiệt trùng EO một mặt giấy, một mặt nilon .</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE, <math>\geq 01</math> FSC Châu Âu hoặc tương đương</li> </ul> <p>Xuất xứ Châu Âu</p>
1.12	Dây chuyền máu	<p>Chất liệu ống: P.V.C, Tỷ lệ tan máu <math>&lt; 5\%</math>, Dây dài 165cm, Kích thước lỗ lọc 200<math>\mu\text{m}</math>, van thông khí có màng lọc giấy lọc y tế kỵ nước.và nằm tại bầu lọc, khóa điều chỉnh dòng chảy, Bầu nhỏ giọt có phin lọc máu, Đường kính sợi lọc: 0,1 - 0,01mm. Đường kính lỗ lọc 0,2 - 0,01 mm. Khả năng lọc <math>\geq 80\%</math>, Dòng chảy dây truyền <math>\geq 500\text{ mL}</math> trong 10 phút (Dịch đường gluco 40%, Áp suất tĩnh 1m). Dòng chảy dây truyền <math>\geq 500\text{ mL}</math> trong 2 phút , Không rò rỉ khí với áp suất 100 kPa khí trong bộ truyền máu trong vòng 2 phút và áp suất 50 kPa khí trong bộ truyền máu trong vòng 15 giây, Mỗi mỗi nối của một bộ truyền không bị bung ra ở lực 15N, Có sẵn kim tiêm 21Gx1,5 inch chất liệu thép không gỉ 1Cr18Ni9Ti, Đóng gói tiệt trùng EO một mặt giấy, một mặt nilon . Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, CE, FSC Châu Âu hoặc tương đương</p>
<b>II</b>	<b>PP2600095109 - Kim tiêm, kim các loại</b>	

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật hoặc tương đương
2.1	Kim Bướm Các Số	<p>Bộ kim 2 cánh bướm, các cỡ 22Gx3/4", 23Gx3/4", 25Gx3/4". Dây dẫn bằng chất liệu nhựa nguyên sinh PVC, dài <math>\geq 30</math>cm, đường kính trong 1.5mm, đường kính ngoài 2.5mm, không DEHP. Kim bằng vật liệu thép không gỉ, đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh, không có gờ, có nắp chụp. Có đầu kết nối Luer lock. Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng. Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn CE do tổ chức/cơ quan được Ủy ban Châu Âu (EC) chấp thuận cấp, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485 (Giấy chứng nhận các tiêu chuẩn trên phải do bên thứ 3 cung cấp) hoặc tương đương</p> <p>- Xuất xứ: G7</p>
2.2	Kim Bướm Sơ Sinh	<p>Bộ kim 2 cánh bướm, các cỡ 22Gx3/4", 23Gx3/4", 25Gx3/4". Dây dẫn bằng chất liệu nhựa nguyên sinh PVC, dài <math>\geq 30</math>cm, đường kính trong 1.5mm, đường kính ngoài 2.5mm, không DEHP. Kim bằng vật liệu thép không gỉ, đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh, không có gờ, có nắp chụp. Có đầu kết nối Luer lock. Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng. Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn CE do tổ chức/cơ quan được Ủy ban Châu Âu (EC) chấp thuận cấp, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485 (Giấy chứng nhận các tiêu chuẩn trên phải do bên thứ 3 cung cấp) hoặc tương đương</p> <p>- Xuất xứ: G7</p>
2.3	Kim chích máu	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Được sản xuất từ thép Carbon, đầu mũi kim được vát nhọn với công nghệ sản xuất hiện đại.</li> <li>• Tiệt trùng từng cây.</li> <li>• Quy cách: 200 cây/hộp, 100 hộp/thùng.</li> </ul>
2.4	Kim Lấy Thuốc	<p>Kim các số 18Gx1 1/2", 20Gx1 1/2", 23Gx1", Vi định kim có chỉ thị màu phân biệt các cỡ kim. Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn CE do tổ chức/cơ quan được Ủy ban Châu Âu (EC) chấp thuận cấp, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014 (Giấy chứng nhận các tiêu chuẩn trên phải do bên thứ 3 cung cấp) hoặc tương đương</p> <p>- Xuất xứ: G7</p>
2.5	Kim luồn mạch máu các loại, các cỡ	Kim luồn tĩnh mạch ngoại biên các cỡ 18G, 20G, 22G, 24G
2.6	Kim luồn tĩnh mạch an toàn các số	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Kim luồn an toàn có cánh có cánh chất liệu FEP có 4 vạch cản quang trên ống thông, đảm bảo hiển thị trên tia X ở mọi góc độ.</li> <li>- Cánh kim có lỗ khâu</li> <li>- Cho phép sử dụng trong chụp MRI</li> <li>-Có đầu bịt an toàn bằng kim loại gồm 2 cánh tay đòn ôm lấy đầu kim khi rút kim ra khỏi catheter.</li> <li>-Khoảng cách tối ưu giữa ống thông và đầu kim &lt; 1 mm</li> </ul>

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật hoặc tương đương
		<ul style="list-style-type: none"> <li>-Đầu kim hình côn cắt mặt sau, vát 2 cấp, làm bằng thép không gỉ 304 tráng silicon để giảm đau</li> <li>-Cơ cấu dòng phụt máu ngược Kép, máu phụt ngược dọc theo thân catheter, dễ quan sát bằng mắt</li> <li>-Có tấm màng vi lọc kháng nước microporous hydrophobic dày 3,9mm.</li> <li>-Thời gian lưu kim trong lòng mạch 96 giờ</li> <li>-Cỡ kim:</li> <li>Số 24G (O.D: 0.7 x 19 mm, 22 ml/min);</li> <li>Số 22G (O.D: 0.9 x 25 mm, 35 ml/min);</li> <li>Số 20G (O.D: 1,1 x 32 mm, 60 ml/min);</li> <li>Số 18G (O.D: 1,3 x 45 mm, 105 ml/min).</li> <li>- Tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương</li> <li>- Qui cách đóng gói 50 chiếc/hộp, 200 chiếc/thùng</li> </ul>
2.7	Kim luồn tĩnh mạch an toàn các số	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Kim luồn an toàn có cánh (không cổng) chất liệu FEP có 4 cánh quang trên ống thông, đảm bảo hiển thị trên tia X ở mọi góc độ.</li> <li>-Có đầu bịt an toàn bằng kim loại gồm 2 cánh tay tròn ôm lấy đầu kim khi rút kim ra khỏi catheter.</li> <li>- Cho phép sử dụng trong chụp MRI</li> <li>- Cánh kim có lỗ khâu</li> <li>-Khoảng cách tối ưu giữa ống thông và đầu kim &lt; 1 mm</li> <li>-Đầu kim hình côn cắt mặt sau, vát 2 cấp, làm bằng thép không gỉ 304 tráng silicon để giảm đau</li> <li>-Cơ cấu dòng phụt máu ngược Kép, máu phụt ngược dọc theo thân catheter, dễ quan sát bằng mắt</li> <li>-Chịu được áp lực tới 350 psi và dòng chảy cực đại tới 5-19ml/s</li> <li>-Chuôi kim có khoang chứa máu dài 34,5±1 mm có thiết kế vuông bốn cạnh dẹt thao tác</li> <li>-Có tấm màng vi lọc kháng nước dày 3,9mm.</li> <li>-Thời gian lưu kim trong lòng mạch tới 96 giờ</li> <li>-Cỡ kim:</li> <li>Số 24G (O.D: 0.7 x 19 mm, 22 ml/min);</li> <li>Số 22G (O.D: 0.9 x 25 mm, 35 ml/min);</li> <li>Số 20G (O.D: 1,1 x 32 mm, 60 ml/min);</li> <li>Số 18G (O.D: 1,3 x 45 mm, 105 ml/min).</li> <li>- Tiêu chuẩn ISO 13485, CE hoặc tương đương</li> <li>- Qui cách đóng gói 50 chiếc/hộp, 200 chiếc/thùng</li> </ul>
2.8	Kim nha khoa 27G x 7/8 Inch	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Kim 3 mặt vát, thành mỏng, bén nhưng vẫn chắc chắn giúp xuyên mướt mà không gây tổn thương. Kim làm bằng thép không gỉ SUS 304</li> <li>2. Đường kính ngoài của kim 0.4-0.42 mm. Đường kính trong 0.184 mm. Chiều dài mặt vát 1.8-2.2</li> </ol>

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật hoặc tương đương
		mm 3. Kháng lực xuyên da $\leq 55gf$ 4. Có ký hiệu trên đốc kim giúp định hướng mặt vát 5. Mã màu sắc dễ chọn lựa 6. Tiệt trùng EO/ EOG 7. Đạt ISO 13485, CE hoặc tương đương
2.9	Kim chọc dò tủy sống các số	1. Đầu kim 3 mặt vát, bén, giảm nguy cơ tụ máu dưới màng cứng 2. Đường kính ngoài của kim ngoài từ 1.25mm - 0.41mm, thành kim mỏng cho dòng chảy tốt, Chiều dài mặt vát từ 4.39mm - 1.23 mm 3. Đường kính ngoài của kim thông nòng, tương ứng size 18G/20G/21G/22G/25G/27G là 0.9mm, 0.6mm, 0.5mm, 0.45mm, 0.3mm, 0.22mm 4. Đốc kim Polypropylene (PP) trong suốt để quan sát dịch não tủy, có nhiều rãnh ngang giúp cầm chắc chắn 5. Tiệt trùng EO 6. Công nghệ thép sản xuất tại Nhật Bản 7. Mã code theo màu sắc dễ chọn lựa 8. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.
2.10	Kim gây tê tủy sống	1. Đầu kim 3 mặt vát, bén, giảm nguy cơ tụ máu dưới màng cứng. Các cỡ G22, G 21, G27, G20, G18, G25. 2. Đường kính ngoài của kim ngoài 1.25mm, thành kim mỏng cho dòng chảy tốt, Chiều dài mặt vát từ 3.41-4.39 mm 3. Đường kính ngoài của kim thông nòng 0.9mm 4. Đốc kim Polypropylene (PP) trong suốt để quan sát dịch não tủy, có nhiều rãnh ngang giúp cầm chắc chắn 5. Tiệt trùng EO 6. Mã code theo màu sắc dễ chọn lựa 7. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.
2.11	Kim gây tê đám rối thần kinh loại 100mm	Kim sử dụng gây tê đám rối thần kinh, đốc kim màu trắng, thân kim có các rãnh cửa giúp cho việc hiển thị rõ kim trên máy siêu âm và giúp bác sĩ cảm nhận rõ khi đâm kim. Đầu kim loại Back-cut, Chiều dài kim 50mm - 100mm Tiệt trùng bằng công nghệ EO. Tiêu chuẩn ISO 13485, CE , hạn sử dụng 05 năm hoặc tương đương.

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật hoặc tương đương
2.12	Kim cấy chỉ tiết trùng dùng một lần	<p>Mô tả:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian sử dụng tính từ ngày tiết trùng: 2 năm</li> <li>- Kim cấy chỉ vô trùng dùng một lần</li> <li>- Bao gồm các thành phần chính: Ống bảo vệ, Thân Kim, Lõi kim</li> <li>- Thân kim và lõi kim được sản xuất từ sợi thép y tế không biến tính.</li> <li>- Hộp đựng kim, ống lót, ống bảo vệ được làm từ nhựa PP y tế.</li> <li>- Thân kim có các vạch chia,</li> <li>- Màu giá đỡ kim: Cam, xanh, đen, xanh lá, vàng, trắng, hồng</li> <li>- Màu ống bảo vệ: Không màu</li> <li>- Các kích thước: các cỡ từ 0.5 - 1.8</li> </ul> <p>Đóng gói:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 1 kim/ túi tiết trùng; 10 túi/ hộp; 40 hộp/ thùng</li> </ul>
2.13	Kim châm cứu 5cm	Kim châm cứu dùng để châm cứu (dùng một lần) ; đóng dạng gói hoặc vỉ; kích thước: 0.30x25mm
2.14	Kim châm cứu 6cm	Kim châm cứu dùng để châm cứu (dùng một lần); đóng gói dạng vỉ hoặc gói; kích thước 0.30*40mm
<b>3</b>	<b>PP2600095110 - Ống nối, dây nối, các loại Catheter, Longo</b>	
3.1	Ống thông dạ dày MPV	Ống thông dạ dày các cỡ gồm 2 loại có nắp (gồm các cỡ 5Fr, 6Fr, 8 Fr, 10Fr) và không có nắp (12Fr,14Fr,16Fr,18Fr). Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm, dẻo, trơn giảm tổn thương niêm mạc. Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485 hoặc tương đương.
3.2	Dây nối bơm tiêm điện	Dây nối bơm tiêm điện có khóa kết nối luer lock được làm từ chất liệu PVC y tế trong suốt, đường kính trong $\leq 0.9\text{mm}$ , đường kính ngoài $\leq 1.9\text{mm}$ , có khoá chặn dòng. Độ dài của dây nối có đủ các cỡ 30/75/140/150 cm. Tiết trùng bằng EO, không gây sốt. Đạt tiêu chuẩn tiết trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485 hoặc tương đương.
3.3	Dây thở oxy 2 nhánh	Dây dẫn chiều dài $\geq 2\text{m}$ được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, không chứa DEHP. - Gồm các cỡ sơ sinh, trẻ em, người lớn. - Sản phẩm được tiết trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)
3.4	Mặt nạ thở oxy các cỡ	Mặt nạ được sản xuất từ nhựa PVC nguyên sinh không chứa độc tố, màu trắng, không có chất tạo màu. - Dây dẫn có chiều dài $\geq 2\text{m}$ được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, màu trắng trong. Dây dẫn có khóa đảm bảo khí oxy luôn được tuần hoàn. - Thanh nhôm mềm dẻo đảm bảo giữ kín khí mặt nạ và mũi bệnh nhân. - Dây chun cố định bộ mặt nạ và đầu bệnh nhân có độ đàn hồi cao.

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật hoặc tương đương
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các cỡ: S, M, L, XL.</li> <li>- Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)</li> </ul>
3.5	Catheter chạy thận nhân tạo 2 nòng, có kim Y dẫn đường 12F x 16/20cm	Bộ bao gồm Catheter 2 nòng 12Fr dài 16cm hoặc 20cm, dây dẫn, nút chặn kim luôn, kim Y dẫn đường, cây nong, dao mổ, kẹp, bơm tiêm
3.6	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng, có kim Y van khóa 1 chiều, 7F x 15/20cm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Catheter bằng chất liệu polyurethan có cân quang</li> <li>- Đường kính ngoài 7F, chiều dài 20cm, 2 nòng, kích cỡ nòng G14, G18.</li> <li>- Đầu nối catheter có nút chặn không có lỗ thông khí</li> <li>- Kim dẫn đường kèm bơm tiêm Raulerson có lỗ luôn dây dẫn</li> <li>- Dây kim loại dẫn đường mềm dẻo, tránh vặn xoắn, đầu chữ J</li> <li>- Kim nong bằng nhựa cỡ 8.5 Fr x 10.2cm</li> <li>- Có đầu dò truyền áp suất quan sát được vị trí tĩnh mạch thông qua dạng sóng thu được bằng bộ chuyển đổi áp suất đã hiệu chuẩn</li> <li>- Tiệt trùng EO</li> </ul>
3.7	Ống hút nhót không có nắp các số	<p>Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh.</p> <p>Độ dài <math>\geq 500</math> mm.</p> <p>Không có nắp/Có nắp.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các số 5-6-8-10-12-14-16-18.</li> </ul>
3.8	Khóa 3 chạc không dây	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chất liệu: Polycarbonate, trong suốt dễ quan sát dòng chảy, chịu được áp suất tới 65psi (~4,5 Bar).</li> <li>- Xoay 360 độ, có mũi tên đánh dấu dòng chảy</li> <li>- Đầu Luer côn 6% tương thích với nhiều đầu nối tiêu chuẩn khác nhau.</li> <li>- 2 đầu cái và 1 đầu đực</li> <li>- Tiệt trùng bằng khí EO</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485, CE, FSC Châu Âu hoặc tương đương</li> </ul>
3.9	Khóa ba ngã có dây nối	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Khóa ba chạc kèm dây nối dài 10cm khóa Luer lock</li> <li>- Ống nối dài có cỡ I.D 3.0mm và O.D. 4.1mm</li> <li>- Ống dây không DEHP, mềm, chống mờ và chống vặn xoắn</li> <li>- Tiệt trùng bằng khí EO</li> <li>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485, CE, FSC Châu Âu hoặc tương đương</li> </ul>
3.10	Ống đặt nội khí quản, có bóng, tiệt trùng các cỡ	<p>Được làm từ nhựa PVC không độc hại hoặc tương đương, trong suốt, mềm mịn;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có sẵn loại không chứa DEHP;</li> <li>- Có bóng chèn; Có mắt Murphy;</li> <li>- Đường mờ đục tia X dọc ống. Bóng chèn áp lực thấp thể tích cao và bóng chèn áp lực thấp tiêu chuẩn</li> </ul>

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật hoặc tương đương
		(thích hợp cho đặt nội khí quản hoạt động ngắn hạn) đều có sẵn. - Kích cỡ: 2,5mm - 10,0mm - Đóng gói: Túi blister riêng biệt (Có sẵn loại hình chữ nhật và hình bán nguyệt)
3.11	Ống đặt nội khí quản, không bóng, tiết trùng các cỡ	Ống nội khí quản sử dụng duy trì đường thở bệnh nhân và bệnh nhân thở máy Vật liệu PVC trong suốt cấp y tế không độc hại, không dị ứng Chống gãy gập, thành ống mỏng, ống nhạy cảm nhiệt, mềm ở nhiệt độ cơ thể Bề mặt bên trong/ ngoài thân ống trơn, không bám dính giúp dễ dàng đặt ống, rút và hút ống Lỗ (mắt) murphy nhỏ mịn. Đường cân quang, và vạch đánh dấu giúp xác định vị trí chèn ống Co nổi tiêu chuẩn 15mm Đầu ống vát 38 độ mềm mịn Size 2.0mm->8.0mm Đóng gói vô trùng ETO. Không pyrogenic. Sử dụng 1 lần Tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương
3.12	Ống đặt nội khí quản, không bóng, tiết trùng các cỡ	Ống nội khí quản không bóng chèn dùng cho công mũi hoặc miệng Ống bằng Polyvinylchlorua (PVC) mềm dẻo, cảm ứng nhiệt phù hợp với đường cong khí quản. Ống có 2 vạch đậm nằm ở phía trên bóng chèn đánh dấu vị trí dây thanh âm và 1 đường chạy dọc thân giúp định vị ống. Đầu ống tù tránh tổn thương niêm mạc khí quản có Murphy eye. Kích cỡ: 2.0, 2.5, 3.0, 3.5, 4.0, 5.0, 5.5, 6.0, 6.5, 7.0 mm Tiệt trùng, sử dụng 1 lần Không chứa Latex Sản phẩm đạt chứng nhận ISO13485, FDA hoặc tương đương
3.13	Ống nội khí quản lò xo PVC phủ silicone có bóng các cỡ	Ống nội khí quản chất liệu trong suốt PVC phủ silicone tương thích nhiệt độ cơ thể, không chứa latex. Lò xo gia cố làm bằng thép không gỉ chống xoắn.Hình dạng cong. Thân ống có 2 vạch đánh dấu độ sâu dày đậm gần bóng Bóng thể tích lớn áp lực thấp Co nổi tiêu chuẩn 15mm, trên ống gần bóng có vạch tròn đen lớn đánh dấu độ sâu Size 2.5mm-9.0mm
3.14	Sonde foley các số	Không chứa DEHP gây ung thư. Sản xuất từ 100% cao su tự nhiên ,Phủ Silicon Có bóng dung tích 5cc-30cc, bóng căng đều. Lỗ thông tiêu tiểu lớn và trơn

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật hoặc tương đương
		Tráng silicon trong lòng ống Tiệt trùng bằng phóng xạ Gamma hoặc khí ETO
3.15	Sonde Nelaton cao su	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Được thể kế để đặt ống thông bàng quang ngắn hạn ở niệu đạo nam giới.</li> <li>• Được sản xuất từ cao su tự nhiên, được phủ 1 lớp silicon không độc hại, không gây dị ứng.</li> <li>• Đầu khép kín có hai mắt bên.</li> <li>• Màu sắc: màu vàng kem.</li> <li>• Thân ống mềm mại trong suốt.</li> <li>• Được tiệt trùng và đóng gói riêng lẻ từng túi.</li> <li>• Size: 8, 10, 12, 14, 16 &amp; 18</li> </ul>
3.16	Dẫn Lưu Polime Ổ Bụng	Sản xuất từ cao su thiên nhiên, đã tiệt trùng, sử dụng 01 lần, Chiều dài $340 \pm 5$ (mm), Chiều dày 1 lớp $2 \pm 0,4$ mm, Đường kính ngoài $5-9 \pm 0.3-0,7$ mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
3.17	Túi máu đơn 250ml	Túi được thiết kế phù hợp để chứa và bảo quản máu toàn phần. Túi chứa sẵn khối dung dịch chống đông máu CPDA-1 bảo quản hồng cầu tới 35 ngày trong dải nhiệt độ từ 2 – 6 oC - Dung tích chứa 250ml máu toàn phần, túi chứa sẵn 35mL dung dịch chống đông và bảo quản CPDA-1
3.18	Túi Đựng Nước Tiểu	Sản xuất từ nhựa y tế PVC, không độc hại. - Kích cỡ 2000ml không có dây treo, độ dày 1.2mm, phân vạch rõ ràng. Có vạch dung tích mỗi 100ml. Đảm bảo kín không rò rỉ. - Van xả thoát đáy chữ T, chống trào ngược, ống đầu vào 90cm. - Có bảng ghi thông tin bệnh nhân. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)
3.19	Túi đựng bệnh phẩm nội soi	Túi đựng mẫu bệnh phẩm trong phẫu thuật nội soi. Kích thước: 12x17cm, 9x17cm. Đã tiệt trùng
3.20	Dụng cụ cắt Longo	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có 3 hàng ghim</li> <li>- Số lượng ghim: 48. Chiều cao ghim: 3.6mm. Chiều rộng ghim: 3.8mm.</li> <li>- Chiều cao ghim đóng 0.75-1.6mm</li> <li>- Đường kính ngoài 33.4mm, đường kính lòng cắt 24mm</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương</li> </ul>
<b>4</b>	<b>PP2600095111 - Chỉ khâu các loại</b>	
4.1	Chỉ nylon không tiêu số 10/0	Chỉ không tan tổng hợp Nylon/Polyamide số 10/0, dài 30 cm, 2 kim hình thang 3/8c, dài 6 mm. Kim thép 300 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương

<b>STT</b>	<b>Tên hàng hóa</b>	<b>Yêu cầu kỹ thuật hoặc tương đương</b>
4.2	Chỉ nylon không tiêu số 3/0	Chỉ không tan tổng hợp Nylon/Polyamide số 3/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 26 mm. Kim thép 300 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả, mũi vuốt nhọn UltraGlyde. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương
4.3	Chỉ nylon không tiêu số 4/0	Chỉ không tan tổng hợp Nylon/Polyamide số 4/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 18 mm. Kim thép 300 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả, mũi vuốt nhọn UltraGlyde. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương
4.4	Chỉ nylon không tiêu số 5/0	Chỉ không tan tổng hợp Nylon/Polyamide số 5/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 16 mm. Kim thép 300 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả, mũi vuốt nhọn UltraGlyde. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương
4.5	Chỉ polypropylen không tiêu số 3/0	Chỉ không tan tổng hợp Trustilene (Polypropylene) số 3/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm (đóng gói khay nhựa Race Track giảm nhớ hình), PP20A26X. Kim thép 300 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương
4.6	Chỉ polypropylen không tiêu số 6/0	Chỉ không tan tổng hợp polypropylene số 6/0, dài 60 cm, 2 kim tròn 3/8c, dài 10 mm. Kim thép 300 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả XtraCoat. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương
4.7	Chỉ tiêu tự nhiên số 1	Chỉ tan chậm tự nhiên chromic catgut số 1, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 40 mm. Kim thép 300 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Chỉ làm từ collagen tinh khiết, sợi chắc, mềm dễ uốn. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương
4.8	Chỉ tiêu tự nhiên số 2/0	Chỉ tan chậm tự nhiên chromic catgut số 2/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm. Kim thép 30 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Chỉ làm từ collagen tinh khiết, sợi chắc, mềm dễ uốn. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương
4.9	Chỉ tiêu tự nhiên số 3/0	Chỉ tan chậm tự nhiên chromic catgut số 3/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm. Kim thép 300 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Chỉ làm từ collagen tinh khiết, sợi chắc, mềm dễ uốn. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương
4.10	Chỉ tiêu tự nhiên số 4/0	Chỉ tan chậm tự nhiên chromic catgut số 4/0, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 26 mm. Kim thép 300 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Chỉ làm từ collagen tinh khiết, sợi chắc, mềm dễ uốn. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật hoặc tương đương
4.11	Chỉ tiêu tổng hợp số 1	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Caresorb (polyglactin 910), phủ Poly(glycolide-co-L-lactide) (30/70) và Calcium Stearate, số 1, dài 90 cm, (duy trì sức căng > 65% sau 14 ngày, tan hoàn toàn 56-70 ngày), kim tròn 1/2c, dài 40 mm. Kim thép 300 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. (Chứng nhận FDA tương đương Vicryl, không độc tính, không gây kích ứng). Đạt tiêu chuẩn ISO, CE, FDA510K hoặc tương đương
4.12	Chỉ tiêu tổng hợp số 2/0	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Caresorb (polyglactin 910), phủ Poly(glycolide-co-L-lactide) (30/70) và Calcium Stearate, số 2/0, dài 75 cm, (duy trì sức căng > 65% sau 14 ngày, tan hoàn toàn 56-70 ngày), kim tròn 1/2c, dài 26 mm. Kim thép 300 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. (Chứng nhận FDA tương đương Vicryl, không độc tính, không gây kích ứng). Đạt tiêu chuẩn ISO, CE, FDA510K hoặc tương đương
4.13	Chỉ tiêu tổng hợp số 3/0	Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglactin 910, phủ Poly(glycolide-co-L-lactide) (30/70) và Calcium Stearate, số 3/0, dài 75 cm, (duy trì sức căng > 65% sau 14 ngày, tan hoàn toàn 56-70 ngày), kim tròn 1/2c, dài 26 mm. Kim thép 300 phủ silicon, mũi kim UltraGlyde. (Chứng nhận FDA tương đương Vicryl, không độc tính, không gây kích ứng). Đạt tiêu chuẩn ISO, CE, FDA510K hoặc tương đương
4.14	Chỉ tiêu tổng hợp số 6/0	Chỉ tan tổng hợp đa sợi polyglactin 910, phủ Poly(glycolide-co-L-lactide) (30/70) và Calcium Stearate, số 6/0, dài 75 cm, (duy trì sức căng > 65% sau 14 ngày, tan hoàn toàn 56-70 ngày), kim tròn 1/2c, dài 13 mm. Kim thép 300 phủ silicon, mũi kim UltraGlyde. (Chứng nhận FDA tương đương Vicryl, không độc tính, không gây kích ứng). Đạt tiêu chuẩn ISO, CE, FDA510K hoặc tương đương
4.15	Chỉ thép các cỡ	Chỉ thép cuộn không kim dài 50m dùng trong RHM. Tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016, CE hoặc tương đương, sản xuất tại Châu Âu
4.16	Chỉ nylon không tiêu số 2/0	Chỉ không tan tổng hợp Nylon/Polyamide số 2/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 26 mm. Kim thép 300 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả, mũi vuốt nhọn UltraGlyde. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương
4.17	Chỉ nylon không tiêu số 6/0	Chỉ không tan tổng hợp Nylon/Polyamide số 6/0, dài 75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 13 mm. Kim thép 300 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả, mũi vuốt nhọn UltraGlyde. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương
4.18	Chỉ polypropylen không tiêu số 2/0	Chỉ không tan tổng hợp Trustilene (Polypropylene) số 2/0, dài 90 cm, 2 kim tròn 1/2c, dài 26 mm (đóng gói khay nhựa Race Track giảm nhớ hình. Kim thép 300 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương
4.19	Chỉ polypropylen không tiêu số 4/0	Chỉ không tan tổng hợp Trustilene (Polypropylene) số 4/0, dài 90 cm, 2 kim tròn 1/2c, dài 20 mm (đóng gói khay nhựa Race Track giảm nhớ hình. Kim thép 300 phủ silicon XtraCoat, mũi kim

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật hoặc tương đương
		UltraGlyde Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương
4.20	Chi polypropylen không tiêu số 5/0	Chi không tan tổng hợp polypropylene số 5/0, dài 90 cm, 2 kim tròn 1/2c, dài 17 mm. Kim thép 300 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả XtraCoat. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương
4.21	Chi thép liền kim	- Chi thép liền kim đường kính từ 0.3/0.4/0.5/0.6/0.7/0.8/0.9/1.0 - Chất liệu thép không gỉ
<b>5</b>	<b>PP2600095112- Đinh, nẹp, vít và vật tư hỗ trợ điều trị</b>	
5.1	Đinh Kirschner 2 đầu nhọn các loại các cỡ	- Đinh 2 đầu nhọn, đường kính 0.5/0.6/0.8/0.9/1.0/1.2/1.4/1.5/1.6/1.8/2.0/2.2/2.5/2.8/3.0/3.2/3.5/4.0/4.5/5.0mm Đạt chất lượng ISO 13485 và EC hoặc tương đương; chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn ASTM F138 (62.8% Fe; 17.52% Cr; 14.27% Ni) Xuất xứ: Châu Âu
5.2	Nẹp mặt	Nẹp mặt thẳng 6 lỗ cho vít 2.0mm; độ dày nẹp 1.0mm; chất liệu Titanium độ 3 TS-3-2 (tiêu chuẩn ASTM-F67), màu xám. Sử dụng tuốc nơ vít SDH4. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; FDA hoặc tương đương Xuất xứ: Vùng Đông Á
5.3	Nẹp khóa đầu dưới xương đùi số 1	- Nẹp dày 3.2mm và 5mm; rộng 33.2mm và 16.3mm; khoảng cách lỗ nẹp 20mm; - Số lỗ trên thân nẹp: 5, 7, 9, 11, 13 lỗ trái; dài từ 156.4/196.4/236.4/276.4/ 316.4mm - Đồng bộ với vít khóa cùng hãng sản xuất - Đạt chất lượng ISO 13485 và EC hoặc tương đương; chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn ASTM F138 (62.8% Fe; 17.52% Cr; 14.27% Ni) Xuất xứ: Châu Âu
5.4	Nẹp khóa đầu dưới xương đùi số 1	- Nẹp dày 3.2mm và 5mm; rộng 33.2mm và 16.3mm; khoảng cách lỗ nẹp 20mm; - Số lỗ trên thân nẹp: 5, 7, 9, 11, 13 lỗ phải; dài từ 156.4/196.4/236.4/276.4/ 316.4mm - Đồng bộ với vít khóa cùng hãng sản xuất - Đạt chất lượng ISO 13485 và EC hoặc tương đương; chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn ASTM F138 (62.8% Fe; 17.52% Cr; 14.27% Ni) Xuất xứ: Châu Âu
5.5	Nẹp khóa đầu trên xương chày	- Nẹp dày 3.2mm và 4mm; rộng 22.5mm và 16.2mm; khoảng cách lỗ nẹp 20mm; - Số lỗ trên thân nẹp: 5, 7, 9, 11, 13 lỗ trái; độ dài từ 143.3/183.3/223.3/263.3/303.3mm - Đồng bộ với vít khóa cùng hãng sản xuất - Đạt chất lượng ISO 13485 và EC hoặc tương đương; chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn ASTM F138

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật hoặc tương đương
		(62.8% Fe; 17.52% Cr; 14.27% Ni) Xuất xứ: Châu Âu
5.6	Nẹp khóa đầu trên xương chày	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nẹp dày 3.2mm và 4mm; rộng 22.5mm và 16.2mm; khoảng cách lỗ nẹp 20mm;</li> <li>- Số lỗ trên thân nẹp: 5, 7, 9, 11, 13 lỗ phải; độ dài từ 143.3/183.3/223.3/263.3/303.3mm</li> <li>- Đồng bộ với vít khóa cùng hãng sản xuất</li> <li>- Đạt chất lượng ISO 13485 và EC hoặc tương đương; chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn ASTM F138 (62.8% Fe; 17.52% Cr; 14.27% Ni)</li> </ul> Xuất xứ: Châu Âu
5.7	Nẹp khóa móc xương đòn (SS) trái các cỡ trái/phải, dùng vít khóa 3.5mm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nẹp dày: 3.0mm; rộng 15.8mm và 9.8mm; khoảng cách lỗ 11.7mm</li> <li>- Số lỗ trên thân nẹp: 4, 5, 6, 7 lỗ trái / phải; dài từ 63/75/86/97mm</li> <li>- Đồng bộ với vít khóa cùng hãng sản xuất</li> <li>- Đạt chất lượng ISO 13485 và EC hoặc tương đương; chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn ASTM F138 (62.8% Fe; 17.52% Cr; 14.27% Ni)</li> </ul> Xuất xứ: Châu Âu
5.8	Nẹp khóa nén ép cho xương đòn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nẹp dày 3.0mm, rộng 10mm; khoảng cách lỗ 14mm và 11mm</li> <li>- Số lỗ trên thân nẹp: 6, 7, 8, 9 lỗ trái; dài từ 70/84/98/112mm</li> <li>- Đồng bộ với vít khóa cùng hãng sản xuất</li> <li>- Đạt chất lượng ISO 13485 và EC hoặc tương đương; chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn ASTM F138 (62.8% Fe; 17.52% Cr; 14.27% Ni)</li> </ul> Xuất xứ: Châu Âu
5.9	Nẹp khóa nén ép cho xương đòn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nẹp dày 3.0mm, rộng 10mm; khoảng cách lỗ 14mm và 11mm</li> <li>- Số lỗ trên thân nẹp: 6, 7, 8, 9 lỗ phải; dài từ 70/84/98/112mm</li> <li>- Đồng bộ với vít khóa cùng hãng sản xuất</li> <li>- Đạt chất lượng ISO 13485 và EC hoặc tương đương; chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn ASTM F138 (62.8% Fe; 17.52% Cr; 14.27% Ni)</li> </ul> Xuất xứ: Châu Âu
5.10	Nẹp khóa nén ép số 1, dùng vít 3.5mm cho xương trụ, xương quay và thân xương mác 4 - 12 lỗ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nẹp dày 3mm; rộng: 10mm; khoảng cách lỗ nẹp 12mm;</li> <li>Số lỗ trên thân nẹp: 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 lỗ; dài từ 48/60/72/84/96/108/120/132/ 144mm</li> <li>- Đồng bộ với vít khóa cùng hãng sản xuất</li> <li>- Đạt chất lượng ISO 13485 và EC hoặc tương đương; chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn ASTM F138 (62.8% Fe; 17.52% Cr; 14.27% Ni)</li> </ul> Xuất xứ: Châu Âu

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật hoặc tương đương
5.11	Nẹp khóa nén ép số 2 dùng cho thân xương đùi 9 -14 lỗ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nẹp dày 5.0mm; rộng 16mm; khoảng cách lỗ nẹp 18mm;</li> <li>- Số lỗ trên thân nẹp: 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 14 lỗ; dài từ 87/103/119/135/151/167/183/199/215/231mm</li> <li>- Đồng bộ với vít khóa cùng hãng sản xuất</li> <li>- Đạt chất lượng ISO 13485 và EC hoặc tương đương; chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn ASTM F138 (62.8% Fe; 17.52% Cr; 14.27% Ni)</li> </ul> Xuất xứ: Châu Âu
5.12	Nẹp khóa titanium đầu dưới xương quay các cỡ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- rộng 9mm; dày 2.5mm; chỉ định dùng cho các trường hợp cố định xương gãy vị trí xương quay và các phần xương nhỏ khác.</li> <li>- Số lỗ: 3,4,5,6,7,8,9,10 dài 70/82,5/95/107,5/120/132,5/145/159,5mm</li> <li>- chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe) hoặc tương đương</li> <li>- dùng kết hợp với:               <ul style="list-style-type: none"> <li>+ vít khóa Ø 2.4 mm</li> <li>+ vít khóa Ø 3.5 mm</li> <li>+ vít cứng Ø 3.5 mm</li> <li>+ Vít khóa xóp Ø 3.5 mm</li> </ul> </li> </ul> Xuất xứ: Châu Âu
5.13	Nẹp lòng máng 1/3, 6 lỗ - 8 lỗ vít 3.5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nẹp dày 1.5mm; rộng: 10.0mm; khoảng cách lỗ nẹp: 12.0mm.</li> <li>- Số lỗ trên thân nẹp: từ 4,5,6,7,8,9,10,11,12 lỗ; dài 54,66,78,90,102,114,126,138,150mm</li> <li>- Đồng bộ với vít cùng hãng sản xuất</li> <li>- Đạt chất lượng ISO 13485 và EC hoặc tương đương; chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn ASTM F138 (62.8% Fe; 17.52% Cr; 14.27% Ni)</li> </ul> Xuất xứ: Châu Âu
5.14	Nẹp mắt xích thẳng( tái tạo) các cỡ, vít 3.5mm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nẹp dày 2.2mm; rộng: 10mm; khoảng cách lỗ nẹp: 10.5mm</li> <li>- Số lỗ trên thân nẹp: từ 4,5,6,7,8,9,10,11,12 lỗ; dài từ 48,60,72,84,96,108,120,132,144mm</li> <li>- Đồng bộ với vít cùng hãng sản xuất</li> <li>- Đạt chất lượng ISO 13485 và EC hoặc tương đương; chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn ASTM F138 (62.8% Fe; 17.52% Cr; 14.27% Ni)</li> </ul> Xuất xứ: Châu Âu
5.15	Nẹp nén ép động lực bản nẹp xương chày đk 4.5 mm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nẹp dày 4.0mm; rộng: 12.0mm; khoảng cách lỗ nẹp: 16mm và 12.5mm</li> <li>- Số lỗ trên thân nẹp: từ 2,3,4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16 lỗ;</li> <li>- Dài 39,55,71,87,103,119,135,151,167,183,199,215,231,247,263mm</li> <li>- Đồng bộ với vít cùng hãng sản xuất</li> </ul>

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật hoặc tương đương
		- Đạt chất lượng ISO 13485 và EC hoặc tương đương; chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn ASTM F138 (62.8% Fe; 17.52% Cr; 14.27% Ni) Xuất xứ: Châu Âu
5.16	Nẹp nén ép động lực bản rộng xương đùi đk 4.5 mm	- Nẹp dày 5.0mm; rộng 16.0mm; khoảng cách lỗ nẹp: 16mm, - Số lỗ trên thân nẹp: từ 4,5,6,7,8,9,10,11,12,13,14,15,16,17,18 lỗ - Dài 71,87,103,119,135,151,167,183,199,215,231,247,263,279, 295mm - Đồng bộ với vít cùng hãng sản xuất - Đạt chất lượng ISO 13485 và EC hoặc tương đương; chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn ASTM F138 (62.8% Fe; 17.52% Cr; 14.27% Ni) Xuất xứ: Châu Âu
5.17	Vít 2.0x4,5,6,7,8,9,10,11,13,15,17,19mm- tự Taro	Vít dài 4,5,6,7,8,9,11,13,15,17,19mm, màu trắng sáng, đầu mũ vít chữ thập, chất liệu hợp kim Titanium Ti-6Al-4V (tiêu chuẩn ASTM-F136), Hỗ trợ tuốc nơ vít SDH4. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; FDA hoặc tương đương Xuất xứ: Vùng Đông Á
5.18	Vít khóa titanium 2.4, 2.7, 3.5 các cỡ	- mũ vít khóa bên trong hình ngôi sao 6 cạnh - đường kính ren 2.4mm; dài từ 10mm đến 50mm - đường kính ren 2.7mm; dài từ 10mm đến 60mm - đường kính ren 3.5mm; dài từ 10mm đến 70mm - chất liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 (0,01% Carbon, 4,37% Vanadium; 6,02 Aluminium; 0,18 Fe) hoặc tương đương Xuất xứ: Châu Âu
5.19	Vít khóa tự taro ĐK: 5.0 mm, 5.0x18- 20-22-24-26-28-30-32-34-36-38-40- 42-44-46-48-50-55-60-65-70-75-80- 85mm	- kiểu vít tự taro; - đường kính ren 5.0mm; đường kính mũ vít lục giác 6.8mm; - chiều dài từ 14mm đến 50mm; mỗi cỡ tăng 2mm; từ 50mm đến 90mm; mỗi cỡ tăng 5mm - Đạt chất lượng ISO 13485 và EC hoặc tương đương; chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn ASTM F138 (62.8% Fe; 17.52% Cr; 14.27% Ni) Xuất xứ: Châu Âu
5.20	Vít xương cứng đk 3.5/ 16mm đến 40 mm	- đường kính ren 3.5mm; đường kính mũ vít lục giác 5.9mm; bước ren 1.25.mm, mũ tô vít 2.5mm; - chiều dài từ 10-60mm; - Đạt chất lượng ISO 13485 và EC hoặc tương đương; chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn ASTM F138 (62.8% Fe; 17.52% Cr; 14.27% Ni) Xuất xứ: Châu Âu

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật hoặc tương đương
5.21	Vít chốt đinh nội tủy xương đùi, xương chày	Loại vít tự ta rô, đường kính vít 4.5mm và có chiều dài từ $\leq 25$ mm đến $\geq 75$ mm. Chất liệu thép không gỉ. Đạt tiêu chuẩn FDA, ISO hoặc tương đương
5.22	Đinh nội tủy xương đùi, xương chày	Đinh đường kính 8,9,10mm dài từ 280- 400 mm + Đinh đặc có 4 lỗ bắt vít, đinh có độ gập góc ở đầu cuối đinh. Đầu đinh thuôn nhọn. Vít đường kính 4.5 x 25 -> 70 mm: Đinh phù hợp với khung hăng Sign/Mỹ bệnh viện đang có + Đạt tiêu chuẩn FDA hoặc tương đương
5.23	Đinh nội tủy đàn hồi các cỡ	Đinh nội tủy đàn hồi đường kính 1,5mm; 2,0mm; 2,5mm; 3,0mm; 3,5mm; 4,0mm; 4,5mm; 5,0mm; dài 440mm - Vật liệu hợp kim Titan, Ti6Al4V theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 hoặc tương đương .Một phía đầu đinh được uốn cong. Mỗi đinh đi kèm một đầu bịt đầu đinh. Có trợ cụ tương thích dùng trong phẫu thuật tháo lắp đinh
5.24	Mũ của đinh đàn hồi	- Mũ đinh cho đinh đàn hồi - chất liệu hợp kim Titan, theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 ASTM F136 hoặc tương đương
5.25	Bộ khung + Đinh FESSA cố định ngoại vi	Bao gồm 1 Ống Fessa và 6 vít Xăng, ống hình tròn, rỗng nòng, dọc thân ống có lỗ. Chất liệu: thép không gỉ
<b>6</b>	<b>PP2600095113 - Băng, băng, gạc vật liệu cầm máu, điều trị vết thương, dung dịch sát khuẩn, khử khuẩn, Phim, găng tay y tế, vật tư nha khoa và một số vật tư y tế khác</b>	
6.1	Bông thấm nước y tế	Được làm từ 100% bông tự nhiên, khả năng thấm hút cao và nhanh, không gây kích ứng da.. Sản xuất theo tiêu chuẩn Dược Điển Việt Nam. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, 9001 hoặc tương đương
6.2	Cồn 70 độ	Thành phần: Ethanol 70% chất lỏng trong suốt có mùi thơm đặc trưng; ko phát hiện methanol. - Có tem nhãn mác, phiếu sang lẻ rõ ràng; ISO: 13485:2016 hoặc tương đương; Phiếu An toàn hóa chất; Giấy kiểm nghiệm SGS; GMP 124
6.3	Cồn 90-96 độ	Thành phần: Ethanol 90% chất lỏng trong suốt có mùi thơm đặc trưng; ko phát hiện methanol. - Có tem nhãn mác, phiếu sang lẻ rõ ràng; ISO: 13485:2016 hoặc tương đương; Phiếu An toàn hóa chất; Giấy kiểm nghiệm SGS; GMP 124
6.4	Cồn tuyệt đối 99,9	Thành phần: Ethanol 99,9% chất lỏng trong suốt có mùi thơm đặc trưng; ko phát hiện methanol. - Có tem nhãn mác, phiếu sang lẻ rõ ràng; ISO: 13485:2016 hoặc tương đương; Phiếu An toàn hóa chất; Giấy kiểm nghiệm SGS; GMP 124
6.5	Dung dịch rửa tay phẫu thuật	Hoạt chất: Chlorhexidine digluconate 4,0 % (w/w). Hệ dưỡng ẩm: Glycerine, PEG-7 Glyceryl Cocoate. Chất hoạt động bề mặt: Lauryl amine oxide, Cocamidopropylbetaine (CAB), Decyl glucoside... Chất khóa ion nước cứng: EDTA Disodium.

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật hoặc tương đương
		Chất làm đặc, hương liệu . Đạt tiêu chuẩn EN 12791 hoặc tương đương
6.6	Dung dịch Sát khuẩn tay nhanh	Hoạt chất: Ethanol 70% (w/w), Isopropanol 2,5% (w/w). Hệ dưỡng ẩm: Glycerine, Caprylic triglyceride, Olive Oil PEG-7 Esters. Thành phần chăm sóc da: tinh chất lô hội. Hương liệu. Hàm lượng Methanol: $\leq 2000$ (mg/l)
6.7	Javen	(Tỷ trọng : 1 lít = 1.125 - 1.145 Kg)
6.8	Dung dịch sát khuẩn bề mặt	Hoạt chất: Didecyl dimethyl ammonium chloride (DDAC) 0,1% (w/w), Poly(hexamethylenebiguanide) hydrochloride (PHMB) 0,1 % (w/w), Ethanol 30% (w/w). Chất hoạt động bề mặt: Fatty Alcohol Ethoxylate. Chất khóa ion Mg <sup>2+</sup> , Ca <sup>2+</sup> : EDTA Tetrasodium. Chất chỉnh pH : Phosphoric acid, Citric Acid. Chất chống ăn mòn, hương liệu. Đạt hiệu quả vi sinh sau 1 phút tiếp xúc
6.9	Dung dịch Khử khuẩn Mức độ Cao ortho-Phthalaldehyde CIDEX OPA 3,78L	Ortho-Phthalaldehyde 0,55% (w/w), hệ đệm pH =7-9. Hiệu quả sau thời gian ngâm tối thiểu 5 phút. Hiệu quả vi sinh (phase 2, step 2) Vi khuẩn : EN 14561 hoặc tương đương Nấm, mốc : EN 14562 hoặc tương đương Mycobacterium (Trực khuẩn lao): EN 14563 hoặc tương đương Test thử đi kèm tương thích với sản phẩm.
6.10	Dung dịch phun sương khử khuẩn (dùng cho máy khử khuẩn di động)	Hoạt chất: Hydrogen peroxide 5 % (w/w), Ion Ag 0,005 % (w/w). Hiệu quả diệt khuẩn Vi khuẩn, nấm mốc : EN 13697 hoặc tương đương Mycobacterium: EN 14348 hoặc tương đương Virus: EN 14476 hoặc tương đương Bào tử: EN 13703 hoặc tương đương
6.11	Dung dịch tẩy rửa và làm sạch dụng cụ y tế. 5 enzyme	Enzyme Protease: 0,5% (w/w), Lipase: 0,2% (w/w), Amylase: 0,15% (w/w), Cellulase : 0,05% (w/w), Mannanase : 0,05% (w/w). Chất hoạt động bề mặt non-ionic: Fatty alcohol alkoxyate, C9-11 Ethoxylate... Chất chống ăn mòn: Benzotriazole.

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật hoặc tương đương
		Chất chỉnh pH: Acid citric, Triethanolamine. Chất tạo màu, hương liệu...
6.12	Băng Bột Bó (10x2.7m)	Băng bó xương cố định vết gãy dùng để cố định vết thương khi bị gãy xương hay sai khớp chân, tay. Được làm bằng thạch cao với thành phần như sau: Canxi sunphate(CaSO4):80% Gạc :10% Keo dính :9% Methanol :1% KT: 10X270cm
6.13	Băng Bột Bó (15x2.7m)	Băng bó xương cố định vết gãy dùng để cố định vết thương khi bị gãy xương hay sai khớp chân, tay. Được làm bằng thạch cao với thành phần như sau: Canxi sunphate(CaSO4):80% Gạc :10% Keo dính :9% Methanol :1% KT: 15X270cm
6.14	Bông lót bó bột 10cm x 3,65m	Bông lót bó bột được sản xuất từ sợi bông 100% polyester, bông lót bó bột mềm mịn, không thấm nước, có màu trắng đồng đều, không bị đốm màu, bị loang, bẩn. Kích thước: 10cm x 3,65m
6.15	Băng cuộn 10cm x 5m	Kích thước 10cm x 5m. Sản phẩm được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao, không có độc tố. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Đạt tiêu chuẩn Dược điển Việt Nam III. - Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016 hoặc tương đương; Chứng nhận FDA của Hoa Kỳ; chứng nhận GMP,CE hoặc tương đương
6.16	Băng cuộn 5cm x 5m	Kích thước: 5cm x 5m. Sản phẩm được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút cao, không có độc tố. Hai đầu cuộn băng bằng, không lệch, không xơ. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Đạt tiêu chuẩn Dược điển Việt Nam III. - Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016 hoặc tương đương; Chứng nhận FDA của Hoa Kỳ; chứng nhận GMP,CE hoặc tương đương
6.17	Băng dính cá nhân	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Vải Viscose và Polyamide cơ giãn, không thấm nước.</li> <li>- Đệm thấm dịch: Màu trắng gồm bông và lớp lưới Polyethylene không gây dính.</li> <li>- Keo: Oxyd kẽm không dùng dung môi.</li> <li>- Kích thước: 19mm x 72mm.</li> <li>- Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)</li> </ul>

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật hoặc tương đương
6.18	Băng dính y tế	<p>Vải lụa Taffeta trắng, làm bằng sợi cellulose acetate từ các nước G7.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Keo hỗn hợp gồm: Zinc oxide, Zinc dibutyl dithiocarbamate, SIS copolymer, Lanolin stellux AIPF, Titanium dioxide, Styrenic Block Copolymers, dầu khoáng trắng. Độ nhớt 8.100-12.700 cP + Ester pentaerythritol nhựa thông.</li> <li>- Tiêu chuẩn CE - EU hoặc tương đương. Xuất xứ Asean.</li> <li>- Kích thước 5cm x 5m.</li> </ul> <p>Có ít nhất 02 CFS được cấp bởi các nước tham chiếu theo quy định tại Điều 29 Nghị định 98/NĐ-CP.</p>
6.19	Gạc cầu sản khoa Fi45 vô trùng	<p>Được sản xuất từ gạc hút nước (100% cotton) bọc quanh 1 lớp bông hút nước (100% cotton) hình cầu</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước: đường kính 45mm</li> <li>- Tiệt trùng bằng khí E.O</li> <li>- Đóng gói trong túi giấy y tế chuyên dụng</li> </ul>
6.20	Gạc củ ấu sản khoa vô trùng	<p>Nguyên liệu: gạc hút nước 100% cotton và có độ thấm hút cao. Được xếp thành hình tam giác</p> <p>Đặc tính:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được từ 10 gam nước trở lên;</li> <li>- Mật độ sợi: ngang 7-9 sợi/cm, dọc 9-11 sợi/cm</li> <li>- Trọng lượng: <math>\geq 23\text{g/m}^2</math></li> <li>- Tốc độ hút nước: <math>\leq 5\text{s}</math></li> <li>- Độ PH: Đạt trung tính</li> <li>- Tinh bột và dextrin: không có</li> <li>- Chất tan trong chất béo: <math>&lt; 0,1\%</math></li> <li>- Chất tan trong nước: <math>\leq 0,08\%</math></li> <li>- Độ ẩm: <math>\leq 8\%</math></li> <li>- Tiệt trùng bằng khí E.O</li> <li>- Đóng gói 2 túi: 1 túi PE + 1 túi giấy y tế chuyên dụng</li> </ul>
6.21	Gạc dẫn lưu 1x200x4L VT	<p>Nguyên liệu: sợi cotton 100%, hút nước</p> <p>Kích cỡ: 1cm x 200cm x 4 lớp</p>
6.22	Gạc phẫu thuật ổ bụng 40cm x 50 cm x 4 lớp vô trùng	<p>Gạc phẫu thuật ổ bụng</p> <p>Nguyên liệu: gạc hút nước 100% cotton và có độ thấm hút cao.</p> <p>Đặc tính:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sản phẩm được may 4 góc và có dây quai dính kèm</li> <li>- Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được từ 10 gam nước trở lên;</li> <li>- Mật độ sợi: ngang 7-9 sợi/cm, dọc 9-11 sợi/cm</li> <li>- Trọng lượng: <math>\geq 23\text{g/m}^2</math></li> <li>- Tốc độ hút nước: <math>\leq 5\text{s}</math></li> </ul>

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật hoặc tương đương
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Độ PH: Đạt trung tính</li> <li>- Tinh bột và dextrin: không có</li> <li>- Chất tan trong chất béo: &lt; 0,1%</li> <li>- Chất tan trong nước: ≤ 0,08%</li> <li>- Độ ẩm: ≤ 8%</li> <li>- Kích thước: 40cm x 50cm x 4 lớp</li> <li>- Tiệt trùng bằng khí E.O</li> <li>- Đóng gói 2 túi: 1 túi PE + 1 túi giấy y tế chuyên dụng</li> </ul>
6.23	Gạc hút y tế khô 0,8m	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Mật độ 20-22 sợi/inch. Tri số sợi CD 32/1. Trọng lượng 23-29 g/m. Tẩy trắng bằng oxy già, không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Đạt tiêu chuẩn Dược điển Việt Nam III. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016 hoặc tương đương; Chứng nhận FDA của Hoa Kỳ; chứng nhận GMP,CE hoặc tương đương
6.24	Gạc phẫu thuật 7cm x 10 cm x 4 lớp vô trùng	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Độ pH: trung tính. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép. Tiệt trùng bằng khí EO.Gas.
6.25	Bông gạc đắp vết thương 8cm x 20cm vô trùng	Kích thước 8cm x 20 cm. Sản phẩm được làm từ chất liệu vải không dệt, và 100% bông tự nhiên. Không có độc tố, không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Đạt tiêu chuẩn Dược điển Việt Nam III. Tiệt trùng bằng khí EO.Gas. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016 hoặc tương đương; Chứng nhận FDA của Hoa Kỳ; chứng nhận GMP, CE hoặc tương đương
6.26	Gạc dẫn lưu 1,5x100x4L VT	TCCS.Kích thước: 1,5cmx100cmx4 Lớp
6.27	Gạc cầm máu mũi	Dùng để cầm máu mũi, cầm máu , thấm dịch hút do viêm xoang. Kích thước 8cmx1,5cmx2cm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
6.28	Bông xóp cầm máu	<ul style="list-style-type: none"> <li>-Là sản phẩm gelatin có nguồn gốc động vật giúp kiểm soát xuất huyết tại động mạch và tĩnh mạch.</li> <li>-Tốc độ cầm máu: 5-10 phút; hấp thụ hoàn toàn 3-4 tuần.C199</li> <li>-Kích thước: 80x50x10mm</li> </ul>
6.29	Găng tay khám	Nguyên liệu cao su tự nhiên có bột. Bề mặt trơn nhẵn. Màu trắng tự nhiên. Các cỡ XS,S,M;L. Chiều dài tối thiểu các cỡ 240mm. Trọng lượng găng cỡ M :5,0 +- 0,2g. Độ dày ngón tay nhỏ nhất 0,095mm, lòng bàn tay nhỏ nhất 0,090mm; cổ tay nhỏ nhất 0,080mm . Trước và sau lão hóa gia có độ bền sức căng nhỏ nhất là 18 và 14 (Mpa), độ giãn dài nhỏ nhất là 650 và 500%. Lượng protein tối đa 200µg/dm2. Lượng bột tối đa 10mg/dm2.

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật hoặc tương đương
6.30	Găng tay Latex phẫu thuật tiệt trùng, có bột	Các kích cỡ: 6.5, 7.0, 7.5, 8.0. Chất liệu mủ cao su thiên nhiên. Tiệt trùng bằng khí EO. Có phủ bột chống dính, mức bột tối đa 8mg/dm <sup>2</sup> . Độ dày ngón tay tối thiểu 0,16mm. Độ dày lòng bàn tay tối thiểu 0,14 mm. Độ dày cổ tay tối thiểu 0,11mm. Độ dài tối thiểu 270mm
6.31	Phim CT Scanner	<p>Công nghệ in nhiệt kỹ thuật số trực tiếp.  Đậm độ quang học tối đa <math>\geq 3.2</math>. Phim gồm 4 lớp: lớp nền PET dày 168 <math>\mu\text{m}</math>, lớp muối bạc hữu cơ hàm lượng khoảng 1.0 g/m<sup>2</sup>, lớp bảo vệ trong suốt và lớp nền dưới. Độ dày phim: 200 - 210 <math>\mu\text{m}</math>.  Tương thích với các dòng máy in Agfa Drystar.  Đạt tiêu chuẩn CE hoặc tương đương.  Xuất xứ Châu Âu  Có 2 FSC của châu Âu, Mỹ, Nhật, Úc, Canada  Kích thước 35x43cm</p>
6.32	Phim khô	<p>Công nghệ in nhiệt kỹ thuật số trực tiếp.  Đậm độ quang học tối đa <math>\geq 3.2</math>. Phim gồm 4 lớp: lớp nền PET dày 168 <math>\mu\text{m}</math>, lớp muối bạc hữu cơ hàm lượng khoảng 1.0 g/m<sup>2</sup>, lớp bảo vệ trong suốt và lớp nền dưới. Độ dày phim: 200 - 210 <math>\mu\text{m}</math>.  Tương thích với các dòng máy in Agfa Drystar.  Đạt tiêu chuẩn CE hoặc tương đương.  Xuất xứ Châu Âu  Có 2 FSC của châu Âu, Mỹ, Nhật, Úc, Canada  Kích thước 20x25cm</p>
<b>7</b>	<b>PP2600095114 - Thủy tinh thể và vật tư về mắt</b>	
7.1	Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu cự, phi cầu, không ngâm nước, 2 còng, lọc tia UV	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thủy tinh thể nhân tạo mềm, đơn tiêu cự, 1 mảnh,</li> <li>- Chất liệu vùng quang học: Hydrophobic Acrylic (nhân khô, không ngâm nước)</li> <li>- Không nhuộm vàng, lọc tia cực tím (UV); Optic thiết kế phi cầu cân bằng</li> <li>- Chi số khúc xạ: 1.548</li> <li>- Đặc điểm còng: 2 còng</li> <li>- Chiều dài thủy tinh thể: 13mm, đường kính vùng quang học: 6,0mm</li> <li>- Dải công suất đáp ứng: từ +6,0 D đến +30,0 D</li> <li>- Kích thước vết mổ: 2.2mm</li> <li>- Thủy tinh thể lắp sẵn trong súng (injector) dạng xoay.</li> <li>- Thiết kế optic: bờ cạnh vuông chông đục bao sau thứ phát. Chất liệu Optic không gây hiện tượng Glistening.</li> <li>- Còng chữ C cải tiến, bề mặt còng tạo nhám chống dính vào optic, góc còng 0 độ.</li> <li>- Độ sâu tiền phòng ACD: 5,49;</li> </ul>

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật hoặc tương đương
		- Hãng số A: 118,9; - Hiệu chỉnh quang sai cầu: -0,16 $\mu$ m; - Đóng gói vô trùng Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016; 2FSC (FSC Đức và FSC Úc) hoặc tương đương Tuân thủ tiêu chuẩn ISO 11979 hoặc tương đương
7.2	Thuốc nhuộm bao	Thành phần: Trypan Blue Ophthalmic Solution 0.06% Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016 hoặc tương đương
7.3	Dịch nhầy dùng trong phẫu thuật Phaco 1.8%	Độ nhớt: 100.000-150.000m.Pas Trọng lượng phân tử cao: >2.8 triệu Dalton Độ thẩm thấu Vô trùng không chứa Pyrogen, không gây viêm Thành phần: Sodium Hyaluronate Ophthalmic Solution 1.8% kèm theo kim 27G vô trùng Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016 hoặc tương đương
7.4	Dao phẫu thuật 15 độ	Chất liệu lưỡi dao làm bằng thép cứng bó sợi không rỉ, mài theo công nghệ cạnh mài ngang (Crosslapped Edge). Dao thẳng, góc 15 độ, cạnh mài ngang, hai mặt vát. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
7.5	Dao mổ phaco 2.2mm-2.8mm	Chất liệu lưỡi dao làm bằng thép cứng bó sợi không rỉ, mài theo công nghệ cạnh mài ngang Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
7.6	Miếng dán mi cỡ to	Dùng cho phẫu thuật nhãn khoa, Quy cách: 50 miếng/ hộp Kích thước: 10x12cm
7.7	Chỉ 10/10 Kim thẳng hai kim	Chỉ khâu mắt sợi đơn Polypropylene 10-0 màu xanh, dài 20 cm. Hai kim thẳng tiết diện nhọn cắt, chiều dài 16 mm, đường kính 0,14mm. Kim làm bằng thép cứng bó sợi, mũi kim mài theo công nghệ cạnh mài ngang (Crosslapped Edge). Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
<b>8</b>	<b>PP2600095115 - Vật tư phục vụ chạy thận nhân tạo</b>	
8.1	Dung dịch rửa quả lọc thận	Thành phần gồm: Hydrogen Peroxide: 26% Acetic acid: 12% Peracetic acid: 4%. • Dùng để làm sạch và khử trùng cho quả lọc thận nhân tạo Tiêu chuẩn: ISO 13485 hoặc tương đương

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật hoặc tương đương
8.2	Quả lọc máu	Quả lọc thận nhân tạo Middle Flux - Chất liệu màng: Micro-undulated Polysulfone, không chứa Bisphenol-A(BPA) và DEHP - Chất liệu vỏ: Polycarbonate - Chất liệu đầu quả lọc: Polyurethane - Diện tích màng 1.6 m <sup>2</sup> - Hệ số siêu lọc (ml/hr*mmHg): 17.1 - Thể tích môi: 86 ml - Với tốc độ bơm máu 300ml/phút thì hệ số lọc: Urea 257 (ml/phút), Creatinine 229 (ml/Phút) - Hệ số sàng Albumin 0.000037 - Độ dày màng 40 μm, đường kính sợi 200 μm. - Phương pháp tiệt trùng: Hơi nước - Tiêu chuẩn ISO 13485:2016, EU hoặc tương đương Xuất xứ: các nước G7
8.3	Quả lọc hấp phụ sử dụng trong lọc máu thận nhân tạo	- Thể tích hấp phụ: 150±15ml - Vật liệu vỏ: PC - Nắp quả lọc và miếng đệm mesh được làm từ Polypropylene - Vật liệu hấp phụ: Polystyrene resin (Hoặc tương đương) - Phương thức khử trùng: Hấp tự động - Lưu lượng máu tối đa tới 250mL/phút - Dải hấp phụ: 5~30kDa - Diện tích hấp phụ: ≥ 56.000m <sup>2</sup> - Nội trở tối đa: 4kPa - Áp suất chịu đựng tối đa: 100kPa - Độ chịu lực của hạt: 8,1N - Năng lực hấp phụ: PTH: 50%-53.5%, β2-MG: 44%-45%, Creatinine: 83%-85%, Protein bounded toxin: 40%-42%, IL-6: 21.8%-31.5%. - pH: Sự khác biệt giữa giá trị pH của dung dịch thử và dung dịch đối chứng trắng không được quá 1,5 - Độ hấp phụ tia cực tím nhỏ hơn 0,1 - Nội độc tổ vi khuẩn dưới 0,5EU/mL - Kích thước lỗ 3-30nm (cho phép hấp phụ các chất có trọng lượng phân tử lớn) - Sản phẩm đạt tiêu chuẩn: ISO 13485, EC (hoặc tương đương)
8.4	Bộ dây lọc máu thận nhân tạo	Bộ dây chạy thận 2 trong 1 bao gồm dây động mạch và dây tĩnh mạch, 1 transducer - Đường kính dây bơm (8.0x12.2x400 mm) không rò rỉ máu - Buồng nhỏ giọt (OD: 19-30mm, LD: 130mm). Dung tích buồng nhỏ giọt: 22

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật hoặc tương đương
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dây động mạch: đường kính 4.5 x 6.8mm, dài 3.930mm, 5 nhánh nổi</li> <li>- Dây tĩnh mạch: đường kính 4.5 x 6.8mm, dài 3.030mm, 2 nhánh nổi</li> <li>- Thể tích mỗi: 165 ± 5% ml</li> <li>- Có các đường dây để lấy máu và xử lý thuốc, có vị trí tiêm phía trước buồng nhỏ giọt tránh bọt khí đi vào mạch máu</li> <li>- Tương thích với nhiều loại máy chạy thận</li> <li>- Tiệt trùng bằng khí EO Tiêu chuẩn ISO 13485, EU hoặc tương đương</li> </ul>
8.5	Kim chạy thận nhân tạo	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Kim kích thước 16G/17G, chiều dài kim 25±2mm.</li> <li>- Kim làm bằng thép không gỉ, siêu mỏng, có 3 cạnh vát được phủ silicone giúp đâm xuyên dễ dàng.</li> <li>- Đầu kim có đánh dấu tại vị trí mặt vát và có nắp bảo vệ khi không sử dụng</li> <li>- Đường kính Ống dây (IDxODx dài): 3.2x5.0x 300mm.</li> <li>- Ống dây làm bằng nhựa PVC y tế, không chứa Latex và DEHP</li> <li>- Cánh bướm xoay được quanh kim, có màu để phân biệt kích thước kim</li> <li>- Có back-eye</li> <li>- Tương thích với các loại máy lọc thận nhân tạo</li> <li>- Tiệt trùng bằng EO. Tiêu chuẩn ISO 13485, EU hoặc tương đương</li> </ul>
<b>9</b>	<b>PP2600095116 - Vật tư phục vụ tán sỏi niệu quản và dụng cụ phẫu thuật nội soi.</b>	
9.1	Sonde niệu quản (sonde JJ)	Cấu hình gồm: 01 ống xông, 01 kẹp; 01 que đẩy. Thông số: Ống thông dùng cho niệu quản làm chất liệu Polyurethane, đường kính 4-8Fr, dài 16-30cm
9.2	Dây dẫn đường loại thẳng, trơn	Dùng được trên hệ thống tán sỏi Laser -Karl/Storz.
9.3	Dây dẫn đường loại xoắn	Dùng được trên hệ thống phẫu thuật nội soi Karl/Storz.
9.4	Rọ lấy sỏi	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Cỡ 3 Ch/Fr</li> <li>- Chiều dài 900 mm.</li> <li>- Đường kính thân rọ 1mm</li> <li>- Độ mở của rọ 16mm</li> <li>- Độ ổn định hình dạng cao do rọ làm bằng nitinol.</li> <li>- Lực mở rọ cao trong niệu quản</li> <li>- Độ ổn định kéo và áp suất của rọ do vật liệu bền.</li> <li>- Dẫn hướng của rọ với độ ổn định mô-men xoắn cao.</li> <li>- Tay cầm có thể tháo rời bằng vít có khóa.</li> </ul>
9.5	Trocar số 10	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đường kính vỏ trocar 11mm</li> <li>- Chiều dài 101mm</li> </ul>

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật hoặc tương đương
		- Có van mở tự động hoặc bằng tay - Nòng trocar đầu đa giác
9.6	Trocar số 5	- Đường kính vỏ trocar 5.5mm - Chiều dài 95mm - Có van mở tự động hoặc bằng tay - Nòng trocar đầu đa giác
<b>10</b>	<b>PP2600095117 - Các VTYT khác</b>	
10.1	Băng keo thử nhiệt hấp ướt	Chiều dài: 55m, rộng 1,8cm Dùng cho chỉ thị nhiệt ướt, vạch chỉ thị đổi màu khi nhiệt độ tiệt khuẩn đạt 121-134°C
10.2	Lọc khuẩn 3 chức năng HME	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Thời gian sử dụng: ≤24h, Chất liệu Polypropylene trong suốt</li> <li>• Trọng lượng 30g</li> <li>• Lọc vi khuẩn, virus, làm ẩm và giữ ẩm đường hô hấp</li> <li>• Có cổng trích lấy mẫu khí CO2, có nắp đậy cổng để bảo vệ tránh nhiễm khuẩn</li> <li>• Có co nối riêng, có cổng xả khí</li> <li>• Thiết kế nghiêng 45 độ</li> <li>• Bộ lọc bông tĩnh điện.</li> <li>• Có cổng kết nối khí với thiết bị theo dõi và nắp đậy, có trao đổi nhiệt</li> <li>• Đầu kết nối 22F/15M và 22M/15F</li> <li>• Thể tích lưu thông khí nằm trong khoảng từ 250ml-1500ml</li> <li>• Độ ẩm ngõ ra ≥ 31mg H2O/l air tại Vt : 500ml</li> <li>• Khoảng chết: 25ml</li> <li>• Sự trở kháng: Tại 60L/phút, ≤0,5kpa</li> <li>• Hiệu quả lọc vi khuẩn (BFE): 99,99%</li> <li>• Hiệu quả lọc virus (VFE): 99,99%</li> <li>• Tiệt trùng bằng khí EO.</li> <li>• Đóng gói riêng biệt từng cái</li> </ul> Tiêu chuẩn ISO13485, CE, FDA hoặc tương đương
10.3	Lưỡi dao mổ các số	Lưỡi dao mổ được làm bằng thép carbon không rỉ, bao gồm các size : 10,11,12,15,20,21,22,23
10.4	Canuyl Mayo (Canuyl ngáng lưỡi - Airway) Các Số	Thiết kế hình dạng giải phẫu, cạnh tròn mềm giảm tổn thương Mã hóa màu block theo size 0,1,2,3,4,5
10.5	Dao lạng mỏng	Dùng lạng mỏng, kích thước 3,0mm Dùng để mổ mỏng thịt và cắt bì cùng mạc.

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật hoặc tương đương
		<p>Lưỡi làm bằng thép không rỉ, Premier edge slit scalpel, Tuân thủ OSHA và CMS</p> <p>Lưỡi dao bẻ góc</p> <p>Đóng túi tiệt trùng vô khuẩn 6 chiếc/ hộp</p> <p>Quy cách đóng gói: Hộp 6 chiếc</p>
10.6	Túi camera nội soi vô trùng (1 cái/gói)	<p>Nylon PE màu trắng</p> <p>- ISO 13485:2016; ISO 9001:2015; FDA; cGMP hoặc tương đương</p>
10.7	Quả bóp huyết áp ( Trẻ Em + Người lớn)	<p>Chất liệu nhựa cao su, màu đen</p>
10.8	Đầu côn vàng	<p>Đầu côn vàng dung tích 200 ul, làm từ nhựa PP, không kim loại, không DNase, RNase. Thiết kế phù hợp với các loại cây pipet trên thị trường, ôm khít đầu cây pipet, thành trong không dính nước, đảm bảo dung tích chính xác.</p>
10.9	Đầu côn xanh	<p>Đầu côn xanh dung tích 1000 ul, làm từ nhựa PP, không kim loại, không DNase, RNase. Thiết kế phù hợp với các loại cây pipet trên thị trường, ôm khít đầu cây pipet, thành trong không dính nước, đảm bảo dung tích chính xác.</p>
10.10	Que đè lưỡi gỗ	<p>Thành phần cấu tạo:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Que đè lưỡi gỗ: Gỗ tự nhiên, thớ mịn, đồng nhất, không lõi, không cong vênh. Gỗ được hấp chín trước khi đưa vào sản xuất và sấy khô, đánh bóng khi ra thành phẩm nên đạt độ cứng, nhẵn cao, an toàn trong sử dụng.</li> <li>- Kích thước: 150mm x 20mm x 2mm.</li> <li>- Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)</li> </ul>
10.11	Điện cực tim	<p>Điện cực dán người lớn Ø50mm dùng trong điện tim gắng sức, holter ECG</p>
10.12	Kềm gấp dị vật hàm cá sấu, đường kính lưới 2.3mm, dài 2300mm	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dùng để gấp dị vật trong nội soi tiêu hóa, dạng răng cá sấu, có máu hoặc răng cá sấu có máu</li> <li>- Đường kính ngoài đường ống: 2.4mm</li> <li>- Kênh làm việc tối thiểu 2.8mm.</li> <li>- Chiều dài làm việc 600, 1200, 1800, 2300, 2700mm.</li> </ul> <p>Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485, CE MDR hoặc tương đương</p>
10.13	Kềm sinh thiết, đường kính 2.3 mm, dài 1600 mm, sử dụng 1 lần. (dùng cho dạ dày)	<p>Kim sinh thiết dạ dày, đại tràng đa dạng về chủng loại, có thể lựa chọn có kim hoặc không kim; ngàm hình oval răng cá sấu hoặc không răng; Đường kính ngoài đường ống 1.1, 1.8, 2.4mm. Chiều dài làm việc 600, 1200, 1600, 1800, 2300mm, kênh làm việc tối thiểu 1.2, 2.0, 2.8mm.</p> <p>Lưỡi cắt của cốc sắc bén, cắt tốt và ít chảy máu, cấu trúc bốn thanh liên kết cho lực cắn mạnh, chuyển động dễ dàng</p> <p>- Tiêu chuẩn chất lượng: ISO13485, CE MDR hoặc tương đương</p>

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật hoặc tương đương
10.14	Mask thanh quản silicone	Vật liệu silicone y tế Ống trong suốt và bóng silicone mềm Hình dạng giải phẫu dễ đặt và chèn Cổ nổi 15mm Kích cỡ từ size 1.0 đến 5.0, trọng lượng bệnh nhân từ 0-100kg, thể tích bóng từ 4-40ml
10.15	Mũi khoan xương các cỡ	Đường kính từ 1.2mm đến 4.5mm - chiều dài 130mm; - Đạt chất lượng ISO 13485 và EC hoặc tương đương; chất liệu thép không gỉ, tiêu chuẩn ASTM F138 (62.8% Fe; 17.52% Cr; 14.27% Ni)
10.16	Giấy in điện tim 6 cần	Dùng được trên máy điện tim 6 cần Nihonkondent
10.17	Giấy in monitor sản khoa TOITU	Dùng được trên máy Monitor-TOITU -Nihonkondent . 152mm x 90mm x 150
10.18	Giấy in nhiệt	Dùng cho máy nước tiểu 11 thông số
10.19	Giấy in đo chức năng hô hấp	Dùng cho máy đo chức năng hô hấp . KT:110 X 45mm
10.20	Giấy in siêu âm	Kích thước cuộn 110m (W) x20 m Độ dày 76µm Mật độ quang học nền (O.D) Tối đa 0,08 Mật độ cao (Dmax) 2.1 Độ sáng: Tối thiểu 90% Trọng lượng cơ bản: 68,4g / m <sup>1</sup>
10.21	Khẩu trang phẫu thuật	Màu sắc: Xanh/ Trắng; Cấu tạo khẩu trang gồm: 3 lớp, có dây thun móc tai và nẹp mũi nhựa hoặc kim loại Được tiệt trùng bằng khí EOgas. Đóng gói: 1 cái/ gói
10.22	Khẩu trang y tế	Khẩu trang y tế 4 lớp - 3 lớp vải không dệt - 1 lớp giấy lọc kháng khuẩn - Dây đeo móc tai - Nẹp mũi nhựa Vải không dệt và giấy kháng khuẩn là loại dùng trong y tế không thấm nước, không độc hại, có tác dụng lọc khí, ngăn cản bụi vi khuẩn - Dài : 175mm - Rộng : 95mm - Độ bung 16cm - Vòng tai: 185mm - Màu xanh đồng đều , không loang bản , không dính tạp chất - Quai đeo mềm, không gây kích ứng da, vải thun có khả năng co giãn tốt - Nẹp mũi được thiết kế vừa vặn, phù hợp với khuôn mặt. Đóng gói trong túi PE

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật hoặc tương đương
10.23	Ổng nghe tim, phổi	Loại nghe hai mặt tim phổi, dây dẫn bằng cao su latex; bộ phận khuếch đại âm thanh bằng aluminum
10.24	Ổng nghiệm có HC Tri-Na Citrate 9NC/ 3.8 %	Chất liệu: Ổng được làm bằng nhựa y tế PP, kích thước ống 12x75mm, Nắp bằng nhựa LDPE màu xanh lá. Hóa chất bên trong là Sodium Citrate nồng độ 3.8%. Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 2ml máu với vạch lấy mẫu 2ml riêng biệt trên nhãn ống. Ổng nghiệm không bị nứt vỡ, rò rỉ khi ly tâm với tốc độ 6000 vòng/phút (có PKN của đơn vị thứ 3) Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, CE hoặc tương đương - Xuất xứ: các nước Asean
10.25	Ổng nghiệm có hoá chất EDTA 2ml	Chất liệu: Ổng được làm bằng nhựa y tế PP , kích thước ống 12x75mm, Nắp bằng nhựa LDPE màu xanh dương. Hóa chất bên trong là Dipotassium Ethylenediaminetetra Acid (EDTA K2) với nồng độ tiêu chuẩn để giữ các tế bào trong máu nhất là tiểu cầu luôn ở trạng thái tách rời tối đa từ 6 - 8 giờ. Dùng trong xét nghiệm huyết học (công thức máu và xét nghiệm HbA1c..).Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 2ml máu với vạch lấy mẫu 2ml riêng biệt trên nhãn ống. Ổng nghiệm không bị nứt vỡ, rò rỉ khi ly tâm với tốc độ 6000 vòng/phút (có PKN của đơn vị thứ 3) Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, CE hoặc tương đương - Xuất xứ: các nước Asean
10.26	Ổng nghiệm có hoá chất EDTA 2ml nắp cao su	Chất liệu: Ổng được làm bằng nhựa y tế PP , kích thước ống 12x75mm, Nắp bằng nhựa LDPE bọc cao su màu xanh dương phù hợp cho các máy xét nghiệm tự động. Hóa chất bên trong là Dipotassium Ethylenediaminetetra Acid (EDTA K2) với nồng độ tiêu chuẩn để giữ các tế bào trong máu nhất là tiểu cầu luôn ở trạng thái tách rời tối đa từ 6 - 8 giờ. Dùng trong xét nghiệm huyết học (công thức máu và xét nghiệm HbA1c..).Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 2ml máu với vạch lấy mẫu 2ml riêng biệt trên nhãn ống. Ổng nghiệm không bị nứt vỡ, rò rỉ khi ly tâm với tốc độ 6000 vòng/phút (có PKN của đơn vị thứ 3) Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, CE hoặc tương đương
10.27	Ổng nghiệm có hoá chất Heparine Lithium	Chất liệu: Ổng được làm bằng nhựa y tế PP, kích thước ống 12x75mm, Nắp bằng nhựa LDPE màu đen. Hóa chất bên trong là chất kháng đông Heparine Lithium. Dùng để tách huyết tương làm xét nghiệm điện giải đồ (Na <sup>+</sup> , K <sup>+</sup> , Cl <sup>-</sup> ...trừ Li <sup>+</sup> ), khí máu. Ngoài ra còn sử dụng cho các xét nghiệm sinh hóa đặc biệt là NH <sub>3</sub> và định lượng Alcool trong máu.Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 2ml máu với vạch lấy mẫu 2ml riêng biệt trên nhãn ống. Ổng nghiệm không bị nứt vỡ, rò rỉ khi ly tâm với tốc độ 6000 vòng/phút (có PKN của đơn vị thứ 3) Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, CE hoặc tương đương - Xuất xứ: các nước Asean
10.28	Ổng nghiệm có hoá chất Heparine và NaF	- Chất liệu: Ổng được làm bằng nhựa y tế PP , kích thước ống 12x75mm. - Thể tích chứa: 2 mL, có vạch định mức 2 mL trên nhãn.

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật hoặc tương đương
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nắp bằng nhựa LDPE màu xám.</li> <li>- Hóa chất bên trong là Sodium Flouride (NaF) và EDTA K2</li> <li>- Dùng để tách huyết tương làm xét nghiệm đường và lactate.</li> </ul> Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, CE hoặc tương đương
10.29	Ống nghiệm serum nắp đỏ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ống được làm bằng nhựa y tế PP , kích thước ống 12x75mm, Nắp bằng nhựa LDPE màu đỏ;</li> <li>- Thành phần: Clot activator dạng phun sương sấy khô giúp quá trình đông máu diễn ra nhanh hơn.</li> <li>- Dùng để tách huyết thanh sử dụng trong xét nghiệm sinh hóa, miễn dịch</li> <li>- Ống nghiệm không bị nứt vỡ, rò rỉ khi ly tâm với tốc độ 6000 vòng/phút (có PKN của đơn vị thứ 3)</li> <li>- Có vạch định sẵn 2ml</li> <li>- Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, CE hoặc tương đương</li> <li>- Xuất xứ: các nước Asean</li> </ul>
10.30	Ống sinh phẩm dùng cho máy đo tốc độ máu lắng	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nắp cao su và thân bằng thủy tinh kích thước: 8 x 120mm</li> <li>- Thể tích lấy máu: 1.28ml</li> <li>- Hóa chất bên trong: Sodium Citrate 3.2%</li> <li>- Có vạch thể tích trên thân ống cho dung tích lấy máu chính xác</li> <li>- Đóng gói: 100 ống/ khay</li> <li>- Sử dụng kim lấy máu chân không và ống giữ kim lấy máu để đưa vào ống. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE hoặc tương đương</li> </ul>
10.31	Ống nghiệm nhựa đựng nước tiểu có nắp	Ống nghiệm nhựa PS trong suốt, kích thước 13 x 100mm, nắp nhựa màu trắng, không nhãn, dung tích 8 ± 0.1ml. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương
10.32	Cốc đờm	Nguyên liệu: nhựa PP Màu sắc: trắng trong Kích thước: Ø60mm x 35mm Sử dụng: đựng đờm, nước tiểu của bệnh nhân
10.33	Bộ dây cáp máy đo điện tim	Dùng cho máy điện tim Nihon Kohden Bao gồm cả dây, kẹp, nút điện cực
10.34	Dây đo huyết áp trên máy Monitor	Sử dụng cho máy Monitor Umec12 hãng sx: Mindray
10.35	Dây đo huyết áp trên máy Monitor	Sử dụng cho máy Monitor, Hãng sx: NIHON KOHDEN, Model: PVM-2701
10.36	Dây đo huyết áp trên máy Monitor	Sử dụng cho máy Monitor, Model: SVM-7603, Hãng sản xuất: Nihon Kohden- Nhật bản
10.37	Cáp đo SPO2 cho máy monitor	Sử dụng cho máy Monitor, Hãng sx: NIHON KOHDEN, Model: PVM-2701
10.38	Cáp đo SPO2 cho máy monitor	Sử dụng cho máy Monitor, Model: SVM-7603, Hãng sản xuất: Nihon Kohden- Nhật bản

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật hoặc tương đương
10.39	Cáp đo SPO2 cho máy monitor	Sử dụng cho máy Model: uMEC12 Hãng: Mindray- Trung Quốc
10.40	Dây đo điện tim trên máy Monitor	Sử dụng cho máy Monitor, Hãng sx: NIHON KOHDEN, Model: PVM-2702
10.41	Dây đo điện tim trên máy Monitor	Sử dụng cho máy Monitor, Model: SVM-7603, Hãng sản xuất: Nihon Kohden- Nhật bản
10.42	Dây đo điện tim trên máy Monitor	Sử dụng cho máy Model: uMEC12 Hãng: Mindray- Trung Quốc
10.43	Dây garo	Chất liệu 100% cotton, đàn hồi theo chiều dọc (90%), kích thước 15,2 x 450cm
10.44	La men	Kích thước :22 x 40 mm
10.45	Lam kính mài	Lam kính mài 7105 Kích thước: 25.4 x 76.2mm Độ dày: 1 - 1.2mm
10.46	Pipet 10ml nhựa	Pipet Nhựa / Ống Hút Huyết Thanh Tiệt Trùng 10ml
10.47	Pipet nhựa 1ml	Dung tích: 1ml có chia vạch định lượng
10.48	Pipet 5ml nhựa	Pipet Nhựa / Ống Hút Huyết Thanh Tiệt Trùng 5ml
10.49	Pipet 1000 µl	Pipet đơn kênh dài thể tích sử dụng 100 - 1000 µl - Bước tăng thể tích: 2 µl - Ở thể tích 100 µl: Độ chính xác: 3,0%; Độ lặp lại: 0,6% - Ở thể tích 500 µl: Độ chính xác: 0,8%; Độ lặp lại: 0,2% - Ở thể tích 1000 µl: Độ chính xác: 0,8%; Độ lặp lại: 0,15%
10.50	Pipet 100 µl	Pipet đơn kênh dài thể tích sử dụng 10 - 100 µl - Bước tăng thể tích: 0,2 µl - Ở thể tích 10 µl: Độ chính xác: 3,5%; Độ lặp lại: 1,0% - Ở thể tích 50 µl: Độ chính xác: 0,8%; Độ lặp lại: 0,24% Ở thể tích 100 µl: Độ chính xác: 0,8%; Độ lặp lại: 0,15%
10.51	Que phết tế bào	Chất liệu:gỗ thông đã trích nhựa dùng để lấy tế bào và niêm dịch cổ tử cung, phát hiện sớm ung thư cổ tử cung
10.52	Cuộn đóng gói thuốc sắc	- Mặt trước có chữ thuốc sắc đóng túi, mặt sau có ghi hướng dẫn sử dụng, ngôn ngữ Tiếng Việt. - Kích thước: 400m x 10cm (DxR) - Trọng lượng: ~9kg/cặp

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật hoặc tương đương
		- Đóng túi loại: 180ml/túi - Chất liệu: PET/PE chịu nhiệt, đảm bảo vệ sinh, an toàn, tiện lợi khi sử dụng, bảo quản.F65
10.53	Mũ phẫu thuật	Nguyên liệu: vải không dệt không thấm và dây thun đôi. Kích thước mũ con sâu: Rộng 2,2 ÷ 2,5cmx dài 20÷21cm. - Vải không dệt không hút nước 14gam/m <sup>2</sup> , chất liệu 100%PP, màu blue hoặc tùy theo yêu cầu. - Khả năng hút nước: không hút nước. - Chỉ tiêu kim loại nặng: Antimon ( Sb) ≤ 0,1mg/kg; Asen (As) ≤ 0,1mg/kg; Bari (Ba) ≤ 2,0mg/kg; Cadimi (Cd) ≤ 0,1mg/kg; Crôm (Cr) ≤ 2,0mg/kg; Chì (Pb) ≤ 1mg/kg; Thủy ngân (Hg) ≤ 0,1mg/kg; 1 Silen (Se) ≤ 0,1mg/kg. Đặc tính dây thun đôi: Chất liệu: latex, băng rộng 4mm, định lượng 2,15gam/m, màu trắng. Đóng gói 1cái/gói- 100 cái/hộp. Sản phẩm chứa trong túi giấy dùng trong y tế có màu chỉ thị đã được tiệt trùng bằng khí EO-Gas Đạt TCVN ISO 13485:2016, ISO 9001:2015 hoặc tương đương Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, ISO 9001:2015, CE, FDA, CFS, CGMP-FDA hoặc tương đương
10.54	Nhiệt kế	Cấu tạo của nhiệt kế gồm có bầu chứa thủy ngân, ống mao quản, bầu chứa phụ, thang chia độ. Thân nhiệt kế làm bằng thủy tinh chịu nhiệt.
10.55	Dung dịch Oxy già	50ml/lọ
10.56	Huyết áp đồng hồ	Giới hạn đo: - Huyết áp: 0 tới 280 mm Hg. - Nhịp tim: 40 tới 180 nhịp/phút. Độ chính xác: - Huyết áp: ±3 mmHg. - Nhịp tim: ±5 nhịp. Đồng hồ chuẩn có vạch chia từ 20 ~300mmHg.
10.57	Dây garo có khóa	Chất liệu cao su
10.58	Bộ dây máy thở người lớn	Bộ dây thở bao gồm: - Khóa xoay luer lock 90 độ (22M/15F-15M): 01 chiếc - Co nối Y có công lấy mẫu đo CO <sub>2</sub> (22M/15F-22M): 01 chiếc - Ống dây vật liệu PE-EVA đường kính 22mm (người lớn), 15mm(trẻ em). Chiều dài 80cm: 04 đoạn hoặc 5 đoạn - Co nối thẳng (22F-22M): 04 chiếc hoặc 06 chiếc ( 5 đoạn) - Co nối thẳng (22M-22M/15F): 01 chiếc (5đoạn) - Bẫy nước (22M): 02 chiếc

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật hoặc tương đương
10.59	Bộ dây máy thở trẻ em	Bộ dây thở bao gồm: - Khóa xoay luer lock 90 độ (22M/15F-15M): 01 chiếc - Co nối Y có công lấy mẫu đo CO2 (22M/15F-22M): 01 chiếc - Ống dây vật liệu PE-EVA đường kính 22mm (người lớn), 15mm(trẻ em). Chiều dài 80cm: 04 đoạn hoặc 5 đoạn - Co nối thẳng (22F-22M): 04 chiếc hoặc 06 chiếc ( 5 đoạn) - Co nối thẳng (22M-22M/15F): 01 chiếc (5đoạn) - Bẫy nước (22M): 02 chiếc
10.60	Đồng hồ áp lực oxy	Ứng dụng cho khí : Oxy - Áp suất làm việc: 15Mpa - Lưu lượng khí qua van : 100m3/h - Áp suất trước điều áp $\leq$ 15MPa - Hai đồng hồ áp suất điều chỉnh áp - Áp suất hiển thị đầu vào,ra 0-250 bar
10.61	Canuyl mở khí quản	Được làm bằng nhựa Polyvinyl clorua không độc. Có bóng, cong 90 độ. Đầu van có khóa. Đầu cổ dài 240 cm. Không có cao su. Sử dụng 1 lần. Có các số từ 5,0 đến 9,0. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương
10.62	Dao đốt điện	Tay dao 3 chấu 2 nút bấm, dây dài 3m, kèm đầu dao. Thiết kế dạng thân lục giác chống trượt, tránh đầu điện cực bị quay khi sử dụng. Nút bấm mềm dễ dàng kích hoạt. Tiệt trùng EO.
10.63	Bóng bóp giúp thở 100% Silicon	Bóng bóp giúp thở sử dụng trong các tình huống khẩn cấp để cung cấp thông khí phổi Vật liệu silicone, dùng nhiều lần Bóng bóp người lớn (>30kg) thể tích 1800ml/ thể tích bóp 1060ml/ thể tích túi trữ khí 2700ml. Trở kháng hít/vào thở ra 2.0cmH2O/4.0cmH2O, khoảng chết <7.0ml, Giảm áp (tùy chọn) 40 hoặc 60cmH2O. * Bộ bao gồm: Bóng bóp, mask gây mê, túi dự trữ khí, dây oxy. * Tiêu chuẩn ISO/CE hoặc tương đương
10.64	Bóp bóng giúp thở (Ambu)	Công dụng: Dùng để hồi sức bệnh nhân bị ngưng thở. Sử dụng một lần để loại bỏ khả năng nhiễm khuẩn chéo. Được trang bị một van hạn chế áp suất cho sự an toàn của bệnh nhân. Bề mặt kết cấu của sản phẩm đảm bảo tiêu chuẩn và cung cấp thông gió hiệu quả. Được sản xuất từ nhựa PVC.
10.65	Bao huyết áp (Trẻ Em + Người lớn)	Bao đo huyết áp dùng cho người lớn, trẻ em, trẻ sơ sinh
10.66	Dây điện châm	Phù hợp với máy điện châm KWD-808. Dây dẫn điện có vỏ bọc cách điện, đầu hình kẹp cá sấu bằng kim loại

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật hoặc tương đương
10.67	Vòng tránh thai chữ T	- Vòng tránh thai có một thân hình chữ T - Chất liệu bằng polyethylene mềm dẻo; trên mỗi cánh thanh ngang có lớp đồng cuộn xung quanh cán dụng cụ tử cung. - Có dây buộc vào đầu chữ T để dàng tháo dụng cụ tử cung. - Độ dài: khoảng 36mm; chiều rộng: khoảng 32mm. - Phù hợp với các tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương.
<b>11</b>	<b>PP2600095118 - Khí Y tế</b>	
11.1	Khí CO2 hóa lỏng	CO2 nồng độ $\geq 99,9\%$ . Chứa trong bình dung tích 40 lít, Van QF-2A hoặc tương đương, Áp suất nạp 57,29 bar, trọng lượng hàng hóa mỗi bình là $25\text{kg} \pm 5\%$ . Chai được kiểm định theo danh mục các loại máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động (Danh mục kèm theo thông tư số 36/2019/TT-BLĐT BXH ngày 30/12/2019 của Bộ Lao động – Thương binh và xã hội)
11.2	Khí oxy y tế	O2 nồng độ $\geq 99,6\%$ . Chứa trong bình dung tích 10 lít, Van QF-2, QF-2C, Áp suất nạp 150 bar, áp suất thường 130 bar, thể tích khí chứa trong chai là 6 m <sup>3</sup> . Chai được kiểm định theo danh mục các loại máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động (Danh mục kèm theo thông tư số 36/2019/TT-BLĐT BXH ngày 30/12/2019 của Bộ Lao động – Thương binh và xã hội)
11.3	Khí oxy y tế	O2 nồng độ $\geq 99,6\%$ . Chứa trong bình dung tích 40 lít, Van QF-2, QF-2C, Áp suất nạp 150 bar, áp suất thường 130 bar, thể tích khí chứa trong chai là 6 m <sup>3</sup> . Chai được kiểm định theo danh mục các loại máy, thiết bị, vật tư, chất có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn, vệ sinh lao động (Danh mục kèm theo thông tư số 36/2019/TT-BLĐT BXH ngày 30/12/2019 của Bộ Lao động – Thương binh và xã hội)
11.4	Khí O-xy y tế lỏng	O2 nồng độ $\geq 99,6\%$ , Oxy dạng lỏng có nhiệt độ âm sâu (-183 o C) được chứa trong các thiết bị bình chứa chuyên dụng cách nhiệt.
<b>12</b>	<b>PP2600095119 - Y dụng cụ</b>	
12.1	Lưỡi dao lạng da	Chiều dài 16cm, chất liệu thép không gỉ, hấp sấy được
12.2	Bộ dây cáp cho máy đo điện tim	Phù hợp cho máy điện tim ECG-1250K/ Nihon kohden - Nhật Bản
12.3	Bộ rửa dạ dày trẻ em	Làm từ mù cao su tự nhiên, đóng gói riêng lẻ từng túi, size 22mm
12.4	Bóng đèn hồng ngoại	Sử dụng nguồn điện trực tiếp 220V. Công suất cao 60W-250W
12.5	Cáp đo SPO2 cho máy monitor	Sử dụng cho máy Monitor, Hãng sx: NIHON KOHDEN, Model: PVM-2701
12.6	Cáp đo SPO2 cho máy monitor	Sử dụng cho máy Monitor, Model: SVM-7603, Hãng sản xuất: Nihon Kohden- Nhật bản

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật hoặc tương đương
12.7	Cáp đo SPO2 cho máy monitor	Sử dụng cho máy Model: uMEC12 Hãng: Mindray- Trung Quốc
12.8	Cốc inox	Phi 6cm, chất liệu làm bằng Inox
12.9	Cột lưu lượng Oxy 0-15 lít/phút	Cấu hình mỗi bộ gồm: - Bộ điều chỉnh lưu lượng 0-15 l/phút tích hợp adapter tương thích ổ khí: 01 cái - Bình làm ẩm 350ml: 01 cái
12.10	Dây đo huyết áp trên máy Monitor	Sử dụng cho máy Monitor Umec12 hãng sx: Mindray
12.11	Dây đo huyết áp trên máy Monitor	Sử dụng cho máy Monitor, Hãng sx: NIHON KOHDEN, Model: PVM-2701
12.12	Dây đo huyết áp trên máy Monitor	Sử dụng cho máy Monitor, Model: SVM-7603, Hãng sản xuất: Nihon Kohden- Nhật bản
12.13	Đồng hồ oxy	1. Áp suất đầu vào: 15Mpa; 2. Áp suất đầu ra: 0,2-0,3Mpa; 3. Áp suất xả tự động của van an toàn: 0,35 + 0,05Mpa; 4. Phạm vi dòng chảy: 1-15L / phút; 5. Chủ đề kết nối: G5 / 8, nam
12.14	Hộp đựng bông cotton	Chất liệu Inox sáng bóng, không gỉ, sét. Nắp có núm để cầm, đường kính 6cm - 8cm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016 hoặc tương đương
12.15	Khay quả đậu	Chất liệu: inox không gỉ. Inox dày, chắc chắn, lòng sâu - Dung tích: 800ml - Kích thước: 25 x 11 x 5cm (± 5%)
12.16	Mask ambu các cỡ	Chất liệu silicon, có đệm hơi
12.17	Trụ cầm panh	Chất liệu Inox không gỉ, sét Dùng để cầm dụng cụ y tế
12.18	Xe cáng đẩy bệnh nhân	1. Thông số kỹ thuật - Kích thước: Cửa cáng: Dài 2100 ± 10mm; Rộng 570mm ± 5mm; Cao 200mm ± 5mm Cửa xe đẩy: Dài 1800 ± 5mm; Rộng 600mm ± 5mm - Chiều cao lan can 250mm so với mặt cáng - Khung xe được làm bằng phi 32mm - Khung mặt cáng làm bằng phi 25mm - Khung đầu nâng làm bằng phi 22mm - Mặt cáng làm bằng inox tấm - Cáng có phần đỡ đầu thay đổi góc nghiêng so với phần đỡ lưng. Góc nghiêng phần đỡ đầu từ 0o đến 45o, có nhiều nấc và được cố định ở mỗi nấc - Phần đỡ đầu nâng hạ trơn nhẹ, không cập kênh, chắc chắn - Xe đẩy có lan can làm bằng phi 19mm chắn bệnh nhân ở 2 phía và có thể gấp xuống được.

STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu kỹ thuật hoặc tương đương
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Dưới xe có giá đỡ đỡ làm bằng phi 4 đặt</li> <li>- Có cọc treo chai hoặc túi chuyên dịch, có 4 bánh xe inox Ø 120, 2 bánh có phanh</li> <li>- Xe cồng được đánh bóng sáng</li> <li>- Có đệm mút dây 50mm phù hợp với cồng</li> </ul>
12.19	Xe đẩy bình oxy 10l	Vật liệu: Inox 304, sử dụng ống có đường kính Ø25mm . Đế xe làm bằng inox tấm dày 3mm, có thể kiềng an toàn. Thanh giá giữ phía sau có thể dịch chuyển và được giữ nhờ hệ thống khóa móc cố định khi để bình oxy * Có dây xích chốt giữ cho bình oxy. Dùng để đẩy bình oxy 10l
12.20	Xe đẩy bình oxy 40l	Vật liệu: Inox 304, sử dụng ống có đường kính Ø25mm . Đế xe làm bằng inox tấm dày 3mm, có thể kiềng an toàn. Thanh giá giữ phía sau có thể dịch chuyển và được giữ nhờ hệ thống khóa móc cố định khi để bình oxy * Có dây xích chốt giữ cho bình oxy. Dùng để đẩy bình oxy 40l
12.21	Xe đẩy thuốc	Vật liệu: Inox 304, sử dụng ống có đường kính Ø25mm
12.22	Xe đẩy tiêm và dụng cụ	<p>1.Cấu hình:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xe tiêm 3 tầng: 01 cái</li> <li>- Bánh xe: 04 cái; 2 bánh có phanh; có giỏ rác</li> </ul> <p>2. Thông số kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kích thước khung (DxRxH): 750 x 525 x 950mm</li> <li>- Vật liệu: inox</li> <li>- Phần khung vách xe tiêm inox Ø 25.4</li> <li>- Có 3 tầng khay inox; Khay trên cùng cách khay giữa 300mm, Khay giữa cách khay dưới cùng 500mm; khay inox được dập lõm mặt đảm bảo căng phẳng và tạo gờ chắn xung quanh, trên mặt khay có thanh chắn xung quanh bằng inox Ø 12.7</li> <li>- Xe có 4 bánh xe Ø 100, hai bánh có phanh di chuyển nhẹ nhàng chắc chắn</li> <li>- Xe tiêm được hàn lắp ráp chắc chắn, thuận tiện sử dụng</li> </ul>
12.23	Xe lăn	Khung thép mạ crom. 4 bánh lốp đặc PVC. Bánh trước 8 inch xoay 360 độ, bánh sau 24 inch. Ghế ngồi bọc da. Vị trí để chân chất liệu nhôm.
12.24	Đèn Cla	Cấu hình gồm: - Bộ đèn chính: 01 Cái - Pin sạc: 01 Cái - Nguồn sạc: 01 Cái

### Lưu ý

Bất kỳ thương hiệu, mã hiệu (nếu có) trong bảng phạm vi cung cấp nêu trên để minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật yêu cầu, nhà thầu có thể lựa chọn dự thầu hàng hóa có nguồn gốc, xuất xứ, nhà sản xuất, thương hiệu, mã hiệu phù hợp với điều kiện cung cấp nhưng phải đảm bảo yêu cầu có tiêu chuẩn kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng “tương đương”.

Nhà thầu phải cung cấp catalog, tài liệu kỹ thuật do hãng sản xuất phát hành (Nếu là ngôn ngữ nước ngoài phải có bản dịch sang tiếng Việt) có đầy đủ nội dung chứng minh thông số kỹ thuật đối với các hàng hóa tham dự thầu theo yêu cầu của E-HSMT và chịu trách nhiệm về nội dung và tính chính xác giữa bản gốc và bản dịch.

## **Mục 2. Bản vẽ: Không yêu cầu**

## **Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm**

Kiểm tra và vận hành thử thiết bị trước khi nghiệm thu. Kiểm định trong trường hợp có yêu cầu của chủ đầu tư hoặc cơ quan có thẩm quyền và tuân theo các văn bản quy định của pháp luật hiện hành.

## **Mục 4: Mẫu Bảng danh mục hàng hóa dự thầu**

- Nhà thầu kê khai đầy đủ theo Mẫu NT – 01 dưới đây và cung cấp **file định dạng excel kèm E-HSDT** cùng bản in ký đóng dấu, hợp lệ.

- Mẫu dưới đây dùng để phục vụ đánh giá về kỹ thuật hàng hóa chào thầu của nhà thầu. Yêu cầu nhà thầu phải điền đầy đủ và chính xác. Nhà thầu tự chịu trách nhiệm về hậu quả hoặc sự bất lợi nếu không làm đúng theo quy định. Việc nhà thầu cố tình kê khai thông tin không đúng với thông số kỹ thuật mà nhà sản xuất đã công bố nhằm mục đích vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật được coi là hành vi gian lận trong đấu thầu quy định tại khoản 4 Điều 16 Luật Đấu thầu và sẽ bị xử lý theo quy định của Pháp luật.

**BẢNG DANH MỤC HÀNG HÓA DỰ THẦU**  
(PHẦN ĐÁNH GIÁ VỀ KỸ THUẬT)

Stt	Thông tin theo E-HSMT		Thông tin sản phẩm dự thầu													
	Tên hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Tên trang thiết bị y tế/ Tên thương mại	Đặc tính kỹ thuật sản phẩm dự thầu	Chủng loại/ Mã hàng	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Hãng chủ sở hữu	Nước chủ sở hữu	Phân loại TTBY T (nếu có)	Số/ ngày giấy đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Mã vật tư y tế theo Quyết định 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021	Tên y tế theo Quyết định 5086/QĐ-BYT ngày 04/11/2021	Quy cách đóng gói	Đvt	Số lượng
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)
1																
2																
3																

Tên nhà thầu:

Địa chỉ:

Mã định danh:

Số điện thoại nhân sự phụ trách thầu:

*Ghi chú*

*Các cột (2), (3), (4), (16) ghi phù hợp với Danh mục hàng hóa theo E-HSMT;*

*Các cột (5), (8), (9), (10), (11), (17) ghi thông tin sản phẩm tham dự thầu phù hợp với tài liệu lưu hành và thông tin đã được kê khai trên cổng bảo hiểm để xin cấp mã theo QĐ 5086/QĐ-BYT*

*Các cột (6), (7), (12), (13), (14) (15) ghi thông tin sản phẩm tham dự thầu;*

*Cột (15): hàng hóa được cấp nhiều theo QĐ 5086/QĐ-BYT thì ghi đầy đủ các mã, cách nhau bằng dấu “;” và không có khoảng trắng.*

**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NHÀ THẦU**

*(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)*

### ***1.2.5. Hướng dẫn trình bày các file trong E-HSDT đăng tải trên Hệ thống:***

Các file dữ liệu của hàng hóa đính kèm E-HSDT phải được phân chia riêng biệt theo folder như sau:

#### **1. Folder 1. Tính hợp lệ:**


- File Bảo đảm dự thầu + tài liệu chứng minh tính hợp lệ của người ký thư bảo lãnh.


#### **2. Folder 2. Năng lực – kinh nghiệm:**

- File 1: Giấy chứng nhận tư cách pháp nhân của nhà thầu
- File 2: Chứng nhận đủ điều kiện mua bán TTBYT theo quy định hiện hành.
- File 3.1. Báo cáo tài chính năm \_\_\_\_ (ví dụ: 2021)
  - File 3.2. Báo cáo tài chính năm \_\_\_\_ (ví dụ: 2022)
  - File 3.3. Báo cáo tài chính năm \_\_\_\_ (ví dụ: 2023)
- File 4. Xác nhận thực hiện nghĩa vụ thuế
- File 5. Hợp đồng tương tự 1 (bao gồm hợp đồng, biên bản nghiệm thu/thanh lý/hóa đơn GTGT...) (Nếu có nhiều hợp đồng để chứng minh năng lực – kinh nghiệm của nhà thầu thì đặt tên File 5.1. Hợp đồng số 1; File 5.2 Hợp đồng số 2.....)
- ... và các tài liệu liên quan khác (nếu có)

#### **3. Folder 3. Kỹ thuật:**

- Đính danh mục hàng hóa dự thầu theo mẫu:

 File 1. Bảng danh mục hàng hóa dự thầu

 File 2. Bảng danh mục hàng hóa dự thầu

- Tài liệu chứng minh về kỹ thuật của hàng hóa được lưu trong các folder, mỗi folder sẽ bao gồm 01 hoặc các mặt hàng dự thầu có cùng hãng sản xuất hoặc cùng tài liệu pháp lý, trong mỗi folder đề nghị nhà thầu tách riêng các file tài liệu và đánh số thứ tự


**Folder 3.1. STT \_\_\_\_ (STT mặt hàng trong danh mục hàng hóa dự thầu của nhà thầu ví dụ: STT 1, 2, 3):**


- + File 1. Bản kết quả phân loại TTBYT
- + File 2. Số lưu hành (bao gồm: Phiếu tiếp nhận/Phiếu thông tin hồ sơ công bố tiêu chuẩn áp dụng, giấy chứng nhận đăng ký lưu hành, giấy phép nhập khẩu, tờ khai hải quan, v.v...)
- + File 3. Chứng nhận chất lượng (bao gồm: ISO 13485, ISO 9001, CE...)
- + File 4. Tài liệu kỹ thuật (bao gồm: bản gốc và bản dịch catalog, datasheet, brochure... do nhà sản xuất phát hành).
- + Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

(trong tự Folder 3.2, Folder 3.3... cho các hàng hóa có STT tiếp theo)


**Ví dụ:**


Cách đặt tên Folder kỹ thuật:


 Folder 3.1. STT 34, 237

 Folder 3.2. STT 159

Cách sắp xếp tài liệu trong folder kỹ thuật:

 File 1. Bảng kết quả phân loại TTBYT

 File 2. Số lưu hành

 File 3. Chứng nhận chất lượng

 File 4. Tài liệu kỹ thuật